



TÀI LIỆU THAM KHẢO

BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Đơn vị thực hiện  



TÀI LIỆU THAM KHẢO

BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Đơn vị thực hiện:



LỜI GIỚI THIỆU

Trong khuôn khổ hợp tác giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD) và Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế, Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn (IPSARD), Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (DCRD) và Chương trình Bảo hiểm cho sự phục hồi và phát triển kinh tế ở nông thôn (INSURED¹) đã chủ trì biên soạn bộ tài liệu hỗ trợ nâng cao nhận thức về bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam. Bộ tài liệu bao gồm 01 cuốn Tài liệu tham khảo về Bảo hiểm Nông nghiệp và 03 cuốn Sổ tay Bảo hiểm Nông nghiệp đối với các nhóm ngành Chăn nuôi, Nuôi trồng thủy sản, Lúa và cây trồng khác.

Mục đích của Bộ tài liệu này là góp phần nâng cao hiểu biết và nhận thức về bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam cho các cá nhân/tổ chức có liên quan, theo tinh thần Nghị định 58/2008/NĐ-CP của Chính phủ về Bảo hiểm Nông nghiệp, Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg và Quyết định số 03/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ Bảo hiểm Nông nghiệp, đã xác định các sản phẩm và quy trình bảo hiểm nông nghiệp cụ thể để tiếp cận các hộ sản xuất quy mô nhỏ. Đặc biệt, ba cuốn Sổ tay Bảo hiểm nông nghiệp tập trung cung cấp thông tin kết hợp diễn giải chính sách theo tinh thần Quyết định 22/2019/QĐ-TTg và Quyết định số 03/2021/QĐ-TTg, tập trung vào một số thông tin cụ thể về ba sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp hiện có ở Việt Nam, gồm: Chăn nuôi, Nuôi trồng thủy sản, Lúa và cây trồng khác.

Trong quá trình nghiên cứu và biên soạn Bộ tài liệu, chúng tôi đã nhận được sự hỗ trợ thông tin và đóng góp ý kiến quý báu của các đồng nghiệp tại Trung tâm Khuyến nông quốc gia, Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế tại Việt Nam (CIAT), Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) và các chuyên gia trong nước và quốc tế. Chúng tôi xin trân trọng ghi nhận và cảm ơn các tổ chức và cá nhân đã hỗ trợ hoàn thiện bộ tài liệu.

Cuốn tài liệu này trình bày khái niệm cơ bản về bảo hiểm nói chung (Chương 1), những khía cạnh liên quan đến rủi ro nông nghiệp và quản lý rủi ro (Chương 2), thông tin chính về các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp (Chương 3), những nội dung liên quan đến khung chính sách và thể chế (Chương 4), các câu hỏi thường gặp (Chương 5) và đào tạo và tập huấn nâng cao nhận thức về bảo hiểm nông nghiệp (Chương 6).

¹ Chương trình INSURED được tổ chức SIDA (Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển) tài trợ và do Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) quản lý thông qua Nền tảng Quản lý Rủi ro Nông nghiệp (PARM).

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ BẢO HIỂM	08
1. Khái niệm về bảo hiểm	08
2. Các nguyên tắc bảo hiểm cơ bản	08
3. Phân loại bảo hiểm theo nghiệp vụ bảo hiểm	10
4. Một số khái niệm về loại hình bảo hiểm	11
5. Một số bên liên quan trong hệ thống kinh doanh bảo hiểm	11
6. Một số thuật ngữ quan trọng trong lĩnh vực bảo hiểm	13
CHƯƠNG 2: RỦI RO VÀ QUẢN LÝ RỦI RO TRONG NÔNG NGHIỆP	18
1. Các loại rủi ro chính trong nông nghiệp ở Việt Nam	18
2. Giảm thiểu rủi ro trong sản xuất nông nghiệp	18
3. Hoạt động quản lý rủi ro trong sản xuất nông nghiệp và vai trò của bảo hiểm	19
4. Giải pháp (công cụ) tài chính ứng phó với rủi ro	20
5. Chia sẻ và chuyển giao rủi ro	20
6. Áp dụng bảo hiểm cho các rủi ro khác nhau	21
CHƯƠNG 3: BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP	23
1. Lợi ích của việc có bảo hiểm nông nghiệp	23
2. Thiết kế sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp	23
3. Các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam	28
4. Khả năng ứng phó rủi ro trong bảo hiểm nông nghiệp	29
5. Mức độ phù hợp của bảo hiểm đối với chuỗi giá trị nông nghiệp ở Việt Nam	30
6. Đặc điểm chính của sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp	30
7. Các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp hiện có	36
CHƯƠNG 4: KHUÔN KHỔ CHÍNH SÁCH VÀ THỂ CHẾ CỦA BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP	40
1. Những quy định có liên quan về Bảo hiểm Nông nghiệp	40
2. Các chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp	40
3. Những bên liên quan chính trong bảo hiểm nông nghiệp	41
4. Trợ cấp phí bảo hiểm	42
5. Điều kiện để các công ty bảo hiểm cung cấp bảo hiểm nông nghiệp	43

6. Vai trò của chính quyền địa phương.....	43
7. Các phương diện hoạt động chính theo quy định.....	44
CHƯƠNG 5: NHỮNG CÂU HỎI THƯỜNG GẶP TỪ NÔNG DÂN.....	50
1. Tại sao tôi nên mua bảo hiểm nông nghiệp?.....	50
2. Tôi sẽ được bồi thường cho bất cứ tổn thất nông nghiệp nào không?.....	50
3. Tại sao phí bảo hiểm của tôi lại phụ thuộc vào vị trí và các yếu tố khác?.....	50
4. Tại sao việc trả phí bảo hiểm có ý nghĩa quan trọng?.....	50
5. Nếu không phát sinh sự kiện bảo hiểm, tôi có lấy lại được tiền phí bảo hiểm không?.....	51
6. Lợi ích của việc có nhiều người mua bảo hiểm nông nghiệp là gì?.....	51
7. Công ty bảo hiểm sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ bảo hiểm hay không nếu họ đã phải chi trả bồi thường cho vụ trước? Nông dân có bị thu thêm phí cho năm sau không?.....	51
8. Tại sao tôi nên mua bảo hiểm nếu tôi không được bồi thường trong (các) năm trước?.....	52
9. Tại sao thủ tục bảo hiểm lại phức tạp?.....	52
10. Tôi có phải trả thêm tiền cho đại lý bảo hiểm để được bồi thường không?.....	52
11. Tôi không cần kiểm soát rủi ro vì tôi đã có bảo hiểm?.....	52
12. Tôi không cần bảo hiểm vì nhà nước luôn hỗ trợ tôi khi rủi ro xảy ra?.....	53
13. Tôi phải làm gì để chủ động hơn trong việc ký kết hợp đồng bảo hiểm?.....	53
14. Tôi có thể đăng ký mua bảo hiểm bằng cách nào?.....	53
15. Làm cách nào tôi biết hiện có những sản phẩm Bảo hiểm Nông nghiệp nào?.....	54
16. Tôi có thể báo cáo yêu cầu bồi thường như thế nào và sẽ được thanh toán như thế nào?.....	54
17. Trợ cấp phí bảo hiểm vận hành như thế nào?.....	54
18. Tại sao công ty bảo hiểm KHÔNG bồi thường cho tôi toàn bộ số tổn thất của tôi?.....	55
CHƯƠNG 6: ĐÀO TẠO VÀ TẬP HUẤN VỀ BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP.....	56
1. Tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức về Bảo hiểm Nông nghiệp.....	56
2. Vai trò của các bên liên quan chính trong việc nâng cao nhận thức về BHNN.....	60
3. Các kênh để tiếp cận nông dân.....	61

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ BẢO HIỂM

1. Khái niệm về bảo hiểm

Bảo hiểm là một công cụ tài chính được sử dụng để quản lý những rủi ro có thể dẫn đến tổn thất tài chính, nhờ chuyển những rủi ro cụ thể từ bên được bảo hiểm sang công ty bảo hiểm bằng cách trả một khoản phí, gọi là phí bảo hiểm.

Bảo hiểm nông nghiệp chuyển một số rủi ro trong hoạt động nông nghiệp, thiệt hại tài sản và thu nhập của nông dân sang công ty cung cấp dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp. Nhờ giảm thiểu rủi ro tài chính, bảo hiểm nông nghiệp có thể khuyến khích đầu tư nhiều hơn cho hoạt động nông nghiệp, vì khi có bảo hiểm nông nghiệp nông dân dễ có khả năng được cấp các khoản vay và đầu vào sản xuất giá trị cao hơn.

2. Các nguyên tắc bảo hiểm cơ bản

a. Nguyên tắc trung thực tuyệt đối

Trung thực tuyệt đối là nghĩa vụ pháp lý đối với tất cả các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm. Các bên phải hành động trung thực và công khai mọi thông tin quan trọng về các rủi ro được bảo hiểm trước khi bắt đầu hợp đồng bảo hiểm. Người được bảo hiểm phải cung cấp tất cả thông tin có thể làm tăng rủi ro vì điều này rất quan trọng đối với doanh nghiệp bảo hiểm trong việc hiểu được bản chất của rủi ro. Người được bảo hiểm cũng không được tuyên bố sai sự thật hoặc phóng đại các rủi ro và thiệt hại.

Nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm việc đánh giá nhanh chóng các yêu cầu bồi thường và không được trì hoãn hoặc từ chối thanh toán các khoản bồi thường mà không có lý do chính đáng.

b. Nguyên tắc lợi ích được bảo hiểm

Bên được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm là bên có lợi ích được bảo hiểm nếu họ phải chịu tổn thất tài chính có liên quan đến, gắn liền với, hay phụ thuộc vào sự an toàn hay không an toàn của đối tượng được bảo hiểm. Để hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, người được bảo hiểm phải có lợi ích được bảo hiểm, đồng thời phải thực hiện mọi biện pháp để tránh xảy ra những sự kiện rủi ro được bảo hiểm hoặc hậu quả của rủi ro được bảo hiểm, vì nếu rủi ro được bảo hiểm KHÔNG xảy ra thì người được bảo hiểm và người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm vẫn sẽ có lợi hơn.

Ví dụ, nếu nông dân mua bảo hiểm cho ruộng lúa của mình thì lợi ích trực tiếp từ vụ lúa của nông dân được bảo hiểm và đồng thời nông dân vẫn cần thực hiện mọi biện pháp để phòng tránh thiệt hại cho vụ lúa đã được bảo hiểm.

c. Nguyên tắc số đông (quy luật số lớn)

Quy luật này giúp công ty bảo hiểm ước tính xác suất rủi ro nhận bảo hiểm, nhằm giúp tính phí và quản lý các quỹ dự phòng chi trả. Công ty bảo hiểm chỉ bảo đảm cho các sự cố ngẫu nhiên, do vậy, nếu tính riêng từng trường hợp đơn lẻ, việc bảo hiểm có thể giống như một trò chơi may rủi; tuy nhiên, tính trên một số lớn đối tượng được bảo hiểm, Công ty bảo hiểm có thể dự đoán được về khả năng xảy ra sự cố ở mức độ tương đối chính xác có thể chấp nhận được.

d. Nguyên tắc nguyên nhân gần

Nguyên nhân gần là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại cho đối tượng được bảo hiểm, được coi là nguy cơ cao nhất gây ra thiệt hại. Như vậy, việc xác định các nguyên nhân gần của tổn thất là vô cùng cần thiết để bảo hiểm bồi thường tổn thất cho đối tượng được bảo hiểm khi xảy ra một trong những rủi ro được bảo hiểm nêu trong điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.

Ví dụ, cả hạn hán và sâu bệnh có thể xảy ra cùng một lúc. Trong trường hợp này, điều quan trọng là phải biết nguyên nhân gây ra thiệt hại cho cây trồng được bảo hiểm là do hạn hán hay sâu bệnh, nhất là nếu như một trong hai rủi ro đó không thuộc phạm vi của một sản phẩm bảo hiểm cụ thể nào.

e. Nguyên tắc bồi thường

Theo nguyên tắc bồi thường, người được bảo hiểm không được hưởng lợi nhuận từ những thiệt hại xảy ra đối với đối tượng được bảo hiểm, công ty bảo hiểm chỉ phải bồi thường để đảm bảo cho người được bảo hiểm có điều kiện tài chính như trước khi tổn thất xảy ra. Các bên liên quan không được lợi dụng bảo hiểm để trục lợi.

Ví dụ, nếu vật nuôi được bảo hiểm bị chết, nông dân sẽ được bồi thường nhưng khoản bồi thường đó có thể không đủ để bù đắp thiệt hại trên thực tế, vì vậy, tốt hơn hết nông dân nên quản lý tốt rủi ro để tránh vật nuôi bị chết.

Có hai nguyên tắc cơ bản dựa trên nguyên tắc bồi thường, bao gồm:

Nguyên tắc thế quyền

Theo nguyên tắc thế quyền, nếu có bên thứ ba cùng chịu trách nhiệm trong trường hợp có thiệt hại xảy ra đối với đối tượng được bảo hiểm, thì công ty bảo hiểm có thể yêu cầu người được bảo hiểm thực hiện trước yêu cầu bồi thường đối với bên thứ ba và công ty bảo hiểm sẽ chỉ

thanh toán số dư của tổn thất kể cả trường hợp yêu cầu bồi thường không được thu hồi đầy đủ đối với bên thứ ba. Ngược lại, công ty bảo hiểm cũng có thể thanh toán bồi thường hoàn toàn cho người được bảo hiểm, trong trường hợp này, công ty bảo hiểm có quyền thay mặt cho người được bảo hiểm để yêu cầu bên thứ ba bồi thường cho mình.

Ví dụ, nếu cây trồng bị thiệt hại do lũ lụt, tuy nhiên, lũ lụt đó có một phần nguyên nhân lỗi chủ quan từ một doanh nghiệp khai thác đập thủy điện. Như vậy, số tiền bồi thường nông dân nhận được có thể từ cả công ty bảo hiểm và doanh nghiệp khai thác đập thủy điện. Theo nguyên tắc, người được bảo hiểm không được nhận lợi ích quá giá trị được bảo hiểm, trong trường hợp này nguyên tắc thế quyền sẽ được áp dụng.

Nguyên tắc đóng góp

Theo nguyên tắc đóng góp, tại thời điểm xảy ra thiệt hại, nếu đối tượng được bảo hiểm có nhiều hơn một hợp đồng bảo hiểm cho cùng một tổn thất thì theo điều kiện đóng góp, người được bảo hiểm phải yêu cầu bồi thường theo tỷ lệ tương ứng từ các hợp đồng bảo hiểm có liên quan. Khi đó, công ty bảo hiểm sẽ chỉ giới hạn theo tỷ lệ phần trách nhiệm đã nhận bảo hiểm của họ.

f. Nguyên tắc giảm thiểu tổn thất

Nguyên tắc giảm thiểu tổn thất yêu cầu người được bảo hiểm phải thực hiện tất cả những bước cần thiết để kiểm soát và giảm tổn thất do sự kiện bảo hiểm gây ra cho đối tượng được bảo hiểm. Người được bảo hiểm không được bỏ mặc đối tượng bảo hiểm hoặc hành động thiếu trách nhiệm vì đối tượng được bảo hiểm đã được bảo hiểm.

3. Phân loại bảo hiểm theo nghiệp vụ bảo hiểm

Theo luật kinh doanh bảo hiểm sửa đổi năm 2010, có ba loại hình bảo hiểm phân theo nghiệp vụ bảo hiểm gồm:

Bảo hiểm nhân thọ là loại hình bảo hiểm liên quan đến sức khỏe của con người nhưng chỉ thanh toán một lần cho chủ hợp đồng tại thời điểm đáo hạn hoặc cho người thụ hưởng trong trường hợp chủ hợp đồng qua đời. Ví dụ: bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm sinh kỳ, v.v.

Bảo hiểm phi nhân thọ là loại hình bảo hiểm liên quan tới tài sản, thiệt hại tài sản và các rủi ro tài chính liên quan. Ví dụ: bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp, v.v.

Bảo hiểm sức khỏe là loại hình bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm bị thương tật, tai nạn, ốm đau, bệnh tật hoặc chăm sóc sức khỏe được công ty bảo hiểm trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

4. Một số khái niệm về loại hình bảo hiểm

Bảo hiểm Nhà nước: là loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức và quản lý, nhằm bảo vệ các cá nhân và tổ chức trước những tổn thất về tài chính.

Bảo hiểm thương mại: là loại hình bảo hiểm do một pháp nhân thuộc sở hữu tư nhân (được chính phủ cấp phép) cung cấp nhằm bảo vệ cho các cá nhân và tổ chức trước các tổn thất tài chính.

Bảo hiểm bắt buộc: là loại hình bảo hiểm bắt buộc do pháp luật quy định các cá nhân hoặc tổ chức phải có.

Bảo hiểm tự nguyện: là các loại hình bảo hiểm mà pháp luật không bắt buộc cá nhân hoặc tổ chức phải có. Việc mua bảo hiểm là tự nguyện, theo quyết định của cá nhân hoặc tổ chức đó.

5. Một số bên liên quan trong hệ thống kinh doanh bảo hiểm

a. Công ty bảo hiểm

Công ty bảo hiểm là một tổ chức tài chính cung cấp các sản phẩm bảo hiểm bảo vệ các cá nhân và tổ chức trước những tổn thất tài chính để thu phí bảo hiểm định kỳ. Các công ty bảo hiểm thường xuyên tập hợp và phân loại mức độ rủi ro mà các cá nhân và tổ chức phải đối mặt để đặt ra mức phí bảo hiểm hợp lý.

Tại Việt Nam, Công ty bảo hiểm là công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo các quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và các quy định khác của Nhà nước có liên quan đến kinh doanh bảo hiểm và tái bảo hiểm. Các công ty bảo hiểm này cần phải được cấp phép bởi cơ quan quản lý có thẩm quyền để hoạt động với mục đích kinh doanh bảo hiểm.

Công ty bảo hiểm thực hiện bán và tiếp thị các sản phẩm bảo hiểm, thu phí bảo hiểm từ khách hàng, thanh toán các khoản bồi thường, tổ chức nâng cao nhận thức về bảo hiểm cho khách hàng. Các sản phẩm và dịch vụ do công ty bảo hiểm cung cấp cho các cá nhân và tổ chức cũng có thể được cung cấp kèm theo khi cung cấp các khoản vay và đầu vào sản xuất. Điều này có nghĩa là công ty bảo hiểm không phải lúc nào cũng tiếp xúc trực tiếp với bên mua bảo hiểm, đôi khi phí bảo hiểm cũng có thể được trả góp.

b. Công ty tái bảo hiểm

Công ty tái bảo hiểm là một công ty bảo hiểm lớn cung cấp dịch vụ bảo vệ tài chính cho các công ty bảo hiểm. Các công ty tái bảo hiểm chịu trách nhiệm xử lý toàn bộ hoặc một phần rủi

ro khi công ty bảo hiểm không thể tự xử lý.

Sự có mặt của các công ty tái bảo hiểm là cần thiết để giúp các công ty bảo hiểm chi trả bồi thường một cách nhanh chóng và duy trì hoạt động kinh doanh ngay cả khi có nhiều yêu cầu bồi thường xảy ra trong cùng lúc tại một khu vực hay giải quyết bồi thường kể cả khi gặp tổn thất lớn. Về cơ bản, các công ty tái bảo hiểm cung cấp bảo hiểm cho các công ty bảo hiểm và không có bất kỳ liên hệ nào với bên mua bảo hiểm.

c. Đại lý bảo hiểm

Đại lý bảo hiểm là cá nhân hoặc đơn vị được cấp phép bán các sản phẩm của công ty bảo hiểm cho người tiêu dùng để hưởng hoa hồng. Mặc dù đại lý bảo hiểm giúp người tiêu dùng lựa



chọn sản phẩm bảo hiểm phù hợp để mua, nhưng họ đại diện cho quyền lợi của công ty bảo hiểm trong các giao dịch.

d. Môi giới bảo hiểm

Nhà môi giới bảo hiểm là cá nhân hoặc đơn vị được cấp phép đại diện cho quyền lợi của người tiêu dùng và tìm kiếm chính sách bảo hiểm tốt nhất đáp ứng được nhu cầu của họ. Nhà môi giới làm việc chặt chẽ với khách hàng của mình để nghiên cứu phạm vi bảo hiểm, điều khoản, điều kiện và giá cả nhằm đề xuất chính sách bảo hiểm phù hợp nhất. Các nhà môi giới không đại diện và không thể thay mặt cho các công ty bảo hiểm trong ràng buộc phạm vi bảo hiểm.

e. Người mua bảo hiểm

Người mua bảo hiểm là người trả phí bảo hiểm quy định cho sản phẩm bảo hiểm.

f. Chủ hợp đồng bảo hiểm

Chủ hợp đồng bảo hiểm có thể là bất kỳ pháp nhân nào ký kết hợp đồng bảo hiểm với công ty bảo hiểm. Chủ hợp đồng bảo hiểm cũng có thể là người được bảo hiểm hoặc đại diện hợp pháp của người được bảo hiểm.

g. Người được bảo hiểm

Người được bảo hiểm là cá nhân được bảo vệ lợi ích trong hợp đồng bảo hiểm và được bồi thường tài chính khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

h. Người thụ hưởng

Người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm là người có tên trong hợp đồng bảo hiểm để được bồi thường tài chính khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

6. Một số thuật ngữ quan trọng trong lĩnh vực bảo hiểm

a. Rủi ro

Trong bảo hiểm, rủi ro là khả năng xảy ra những thiệt hại dẫn đến tổn thất tài chính. Trước khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm đánh giá và định giá các rủi ro được đề xuất để xác định mức phí bảo hiểm mà người được bảo hiểm sẽ trả.

b. Đối tượng được bảo hiểm

Đối tượng được bảo hiểm là những đối tượng chịu tác động trực tiếp của các rủi ro và vì thế, đối tượng đó có lợi ích được bảo vệ bởi hợp đồng bảo hiểm. Đối tượng bảo hiểm có thể là tài sản và những lợi ích liên quan (cây trồng, vật nuôi, ô tô, nhà ở, v.v), con người (tính mạng, sức khỏe, v.v) và trách nhiệm dân sự (thực hiện hợp đồng mua bán, cho thuê, v.v).

c. Sản phẩm bảo hiểm

Sản phẩm bảo hiểm là bất kỳ sản phẩm nào do công ty bảo hiểm cung cấp trong đó công ty bảo hiểm đồng ý thanh toán cho đối tượng mua sản phẩm (hoặc người thụ hưởng) toàn bộ hoặc một phần tổn thất do những rủi ro đã xác định trước hoặc do tập hợp các rủi ro xảy ra trong một khoảng thời gian giới hạn và cụ thể, ví dụ: hàng năm hoặc theo mùa.

d. Phạm vi bảo hiểm và loại trừ bảo hiểm

Phạm vi bảo hiểm là phạm vi giới hạn những rủi ro, loại tổn thất và chi phí phát sinh mà theo thỏa thuận (được ghi trong hợp đồng) công ty bảo hiểm sẽ chịu trách nhiệm bồi thường nếu xảy ra. Ngược lại, loại trừ bảo hiểm bao gồm những trường hợp (rủi ro, tổn thất, chi phí) công ty bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường khi xảy ra. Tuy nhiên, loại trừ bảo hiểm có thể có hai loại là loại trừ tuyệt đối (không bao giờ được chấp nhận bảo hiểm) hoặc loại trừ tương đối (có

thể được bảo hiểm với những điều kiện nhất định).

e. Tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm là khi một công ty bảo hiểm tự bảo hiểm bằng cách chuyển rủi ro cho một công ty bảo hiểm lớn hơn được gọi là công ty tái bảo hiểm.

f. Đồng bảo hiểm

Đồng bảo hiểm là khi hai hoặc nhiều công ty bảo hiểm cùng chia sẻ rủi ro trong một hợp đồng bảo hiểm với nhau.

g. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm là sự thoả thuận bằng văn bản giữa công ty bảo hiểm và chủ hợp đồng bảo hiểm, trong đó chủ hợp đồng bảo hiểm có trách nhiệm đóng phí bảo hiểm và công ty bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho chủ hợp đồng bảo hiểm khi có tổn thất xảy ra. Hợp đồng nêu rõ các điều khoản và điều kiện của phạm vi bảo hiểm, nêu rõ rủi ro được bảo hiểm, phí bảo hiểm và yêu cầu bồi thường phải trả, thời hạn bảo hiểm, rủi ro không được bảo hiểm và các điều khoản khác mà tất cả các bên đã thoả thuận.

h. Phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm là số tiền mà chủ hợp đồng bảo hiểm trả cho công ty bảo hiểm để được bảo hiểm cho những rủi ro cụ thể xảy ra với đối tượng bảo hiểm. Phí bảo hiểm phải được thanh toán trước khi công ty bảo hiểm cam kết bồi thường cho chủ hợp đồng khi có tổn thất do sự kiện được bảo hiểm gây ra.

Tỷ lệ phí bảo hiểm có thể thay đổi theo địa điểm và theo loại sản phẩm được bảo hiểm, ví dụ: đối với các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản, v.v, phí bảo hiểm tăng nếu hoạt động canh tác có nhiều rủi ro và giảm nếu rủi ro thấp. Cụ thể, phí bảo hiểm lúa gạo ở các tỉnh phía Bắc (Nam Định, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, v.v.) thường cao hơn so với các tỉnh phía Nam (An Giang, Đồng Tháp, Bình Thuận, v.v.) do tần suất thiên tai lớn hơn (bão, lũ lụt, v.v.) dẫn đến hoạt động canh tác gặp nhiều rủi ro hơn. Các yếu tố khác như chi phí hoạt động và chi phí yêu cầu bồi thường, xác suất lựa chọn bất lợi và rủi ro đạo đức cũng ảnh hưởng đến chi phí bảo hiểm.

i. Giá trị bảo hiểm

Giá trị bảo hiểm hay số tiền bảo hiểm là số tiền tối đa chi trả cho những thiệt hại mà công ty bảo hiểm sẽ trả cho đối tượng được bảo hiểm hay là giới hạn trách nhiệm trả tiền bồi thường bảo hiểm. Giá trị này được thoả thuận giữa người được bảo hiểm và công ty bảo hiểm để ghi trong hợp đồng bảo hiểm, cố định trong suốt thời gian bảo hiểm, là cơ sở để tính phí bảo hiểm và số tiền yêu cầu bồi thường.

j. Sự kiện bảo hiểm

Sự kiện bảo hiểm là những sự kiện ngẫu nhiên xảy ra dẫn đến thiệt hại cho đối tượng được bảo hiểm, mà sự kiện đó là do một hoặc những rủi ro được bảo hiểm theo quy định trong hợp đồng.

k. Khấu trừ và giảm trừ số tiền bồi thường bảo hiểm

Khấu trừ và giảm trừ số tiền bồi thường bảo hiểm là phần tổn thất (được bảo hiểm) nhưng người được bảo hiểm phải tự chịu trách nhiệm tài chính khi xảy ra rủi ro mà dẫn đến bồi thường. Khấu trừ và giảm trừ chủ yếu được sử dụng trong các sản phẩm bảo hiểm bồi thường để giảm nguy cơ rủi ro đạo đức và lựa chọn bất lợi của công ty bảo hiểm và để loại bỏ những khoản chi trả rất nhỏ có thể không đáng kể đối với người được bảo hiểm. Khấu trừ và giảm trừ cũng có thể khiến yêu cầu bồi thường không được thanh toán cho những thiệt hại nhỏ, có thể xảy ra do lỗi chủ quan từ phía người được bảo hiểm.

Sự khác biệt giữa khấu trừ và giảm trừ tiền bồi thường bảo hiểm là:

Khấu trừ là khoản cố định mà người được bảo hiểm luôn giữ lại phần tổn thất cho các rủi ro được bảo hiểm gây ra, đồng nghĩa với việc quy định giới hạn trách nhiệm của công ty bảo hiểm. Thiết lập mức khấu trừ này giúp cho công ty bảo hiểm có thể cung cấp các sản phẩm bảo hiểm ban đầu với phí bảo hiểm hợp lý hơn. Ví dụ: mức khấu trừ cho bảo hiểm vật nuôi khi thiên tai xảy ra là 30%, nghĩa là công ty bảo hiểm sẽ chỉ chi trả bồi thường tối đa ở mức 70% giá trị bảo hiểm khi sự kiện bảo hiểm (thiên tai) xảy ra.

Giảm trừ là khoản không cố định được công ty bảo hiểm và người được bảo hiểm thống nhất trong hợp đồng. Tuy nhiên, giảm trừ chỉ được áp dụng khi người được bảo hiểm không tuân thủ các quy định của hợp đồng bảo hiểm làm gia tăng rủi ro/thiệt hại. Ví dụ: mức giảm trừ cho bảo hiểm vật nuôi hiện nay tối đa là 20%, nhưng công ty bảo hiểm chỉ được quyền giảm trừ khi tổn thất có một phần nguyên nhân của người được bảo hiểm như không tuân thủ quy trình chăn nuôi, phòng dịch, phòng bệnh, hoặc không thực hiện đúng quy trình thông báo sự kiện bảo hiểm.

l. Tiền hoa hồng bảo hiểm

Khoản tiền hoa hồng bảo hiểm là tỷ lệ phần trăm phí bảo hiểm mà công ty bảo hiểm trả cho đại lý, môi giới bảo hiểm khi giao dịch thành công hợp đồng bảo hiểm.

m. Hủy bỏ bảo hiểm

Trong những trường hợp nhất định, hợp đồng bảo hiểm có thể bị hủy bỏ. Những trường hợp này

thường được quy định rõ ràng trong hợp đồng bảo hiểm. Các ví dụ cụ thể như:

Đối với Chăn nuôi/Nuôi trồng thủy sản: Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt nếu người được bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm đầy đủ và kịp thời. Khi hợp đồng bảo hiểm hết hạn hoặc thủy sản được thu hoạch, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bồi thường cho người được bảo hiểm.

Trong trường hợp người được bảo hiểm muốn chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước khi hết hạn, người được bảo hiểm phải gửi văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm trước 10 ngày. Khi hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng bằng văn bản, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hoàn trả số tiền bằng 80% phí bảo hiểm cho thời gian còn lại với điều kiện chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Đối với Lúa: Trường hợp người được bảo hiểm muốn chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước ngày cuối cùng mà doanh nghiệp bảo hiểm nhận được đề nghị bảo hiểm thì người được bảo hiểm phải gửi văn bản yêu cầu trước 10 ngày thông qua bên mua bảo hiểm. Ngày cuối cùng mà công ty bảo hiểm nhận được đề nghị bảo hiểm sẽ được quy định trong phụ lục hợp đồng bảo hiểm.

Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hoàn trả số tiền bằng 80% phí bảo hiểm tương ứng với số mùa vụ nếu diện tích được bảo hiểm không canh tác được do xảy ra các sự kiện quy định trong Quy tắc bảo hiểm đối với lúa. Việc hoàn tiền chỉ được thực hiện nếu người được bảo hiểm/bên mua bảo hiểm thông báo cho công ty bảo hiểm về việc không gieo/không cấy trong vòng 20 ngày kể từ khi mùa vụ bắt đầu theo quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Thời điểm đầu vụ phải thống nhất với thời vụ lịch sử ở xã cụ thể đó.

Trong trường hợp người được bảo hiểm muốn chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn, người tham gia bảo hiểm cần gửi văn bản cho công ty bảo hiểm trước 30 ngày. Khi hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng bảo hiểm bằng văn bản, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hoàn trả số tiền bằng 80% phí bảo hiểm cho thời gian còn lại với điều kiện chưa xảy ra sự kiện bảo hiểm.

n. Rủi ro đạo đức và lựa chọn bất lợi

Rủi ro đạo đức và lựa chọn bất lợi là những hạn chế của các sản phẩm bảo hiểm, có thể xảy ra khi sử dụng biện pháp bồi thường truyền thống.

Rủi ro đạo đức là bên được bảo hiểm cố tình gây nguy hiểm cho tài sản được bảo hiểm hoặc phóng đại các tổn thất phát sinh để tăng mức bồi thường bảo hiểm dự kiến. Lựa chọn bất lợi là

trường hợp bảo hiểm chỉ được mua nếu các sự kiện được bảo hiểm chắc chắn xảy ra hoặc có xác suất xảy ra rất cao.

o. Gian lận bảo hiểm

Gian lận bảo hiểm là bất kỳ hành vi nào được thực hiện nhằm gian lận trong quy trình bảo hiểm, chẳng hạn như khi bên được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng khiếu nại sai sự thật để đạt được quyền lợi bảo hiểm mà họ không được hưởng, hoặc khi doanh nghiệp bảo hiểm cố tình từ chối quyền lợi của bên được bảo hiểm một cách vô cớ.

Gian lận bảo hiểm thường phổ biến với các sản phẩm bảo hiểm bồi thường hơn và ít xảy ra với những sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số (được mô tả trong chương 3) hơn. Nguyên nhân chủ yếu là do tỷ lệ rủi ro đạo đức cao hơn, hay nói cách khác rủi ro đạo đức thường dễ xảy ra trong sản phẩm bảo hiểm bồi thường. Ví dụ như cố tình xác định sai dịch bệnh làm chết vật nuôi để nhận bồi thường bảo hiểm.

CHƯƠNG 2: RỦI RO VÀ QUẢN LÝ RỦI RO TRONG NÔNG NGHIỆP

1. Các loại rủi ro chính trong nông nghiệp ở Việt Nam

Việt Nam là đất nước trải dài gần 15 vĩ độ, với 3.260 km đường bờ biển, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa hay nhiệt đới ẩm với nhiều loại hình thiên tai phải đối mặt; và là khu vực có điều kiện khí hậu thuận lợi cho sự phát sinh của dịch bệnh/sâu bệnh gây hại trên đối tượng sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, sản xuất nông nghiệp đối mặt với rất nhiều rủi ro liên quan đến cả thiên tai, dịch bệnh và các đối tượng gây hại khác gây ảnh hưởng tới năng suất, chất lượng của cây trồng, vật nuôi, từ đó có thể gây ra những thiệt hại tài chính cho người sản xuất.

Rủi ro thiên tai chính thường xảy ra như bão, áp thấp nhiệt đới, dông, lốc xoáy, sét, lũ ống, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, xâm nhập mặn, hạn hán, băng giá, mưa đá, sương muối, v.v.

Rủi ro dịch bệnh, sâu bệnh và đối tượng gây hại khác rất phổ biến ở Việt Nam, ví dụ:

Đối với sản xuất lúa, các dịch bệnh nông dân thường đối mặt như vàng lùn xoắn lá, lùn sọc đen, đạo ôn, bạc lá, rầy nâu, sâu đục thân, v.v và những đối tượng gây hại như chuột, ốc bươu vàng, v.v.

Đối với chăn nuôi, các dịch bệnh nông dân thường gặp với gia súc như tụ huyết trùng, lở mồm long móng, ký sinh trùng đường máu, dịch tả/bệnh tiêu chảy, H5N1, v.v.

Đối với nuôi trồng thủy sản, các dịch bệnh nông dân thường gặp với đối tượng nuôi trồng như bệnh đốm trắng, đầu vàng, teo và hoại tử gan tụy, v.v ở tôm; bệnh đốm trắng gan, thận, huyết đường ruột, nấm thủy mi, trùng bánh xe, sán lá, v.v. ở cá da trơn.

2. Giảm thiểu rủi ro trong sản xuất nông nghiệp

Rủi ro dịch bệnh: Trong trồng trọt, rủi ro dịch bệnh có thể được giảm thiểu bằng cách sử dụng hợp lý các yếu tố đầu vào như phân bón, thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ, trồng các giống kháng sâu bệnh, v.v; Trong chăn nuôi, rủi ro dịch bệnh có thể được giảm thiểu bằng cách tiêm phòng đầy đủ, kịp thời và các biện pháp chăm sóc sức khỏe khác cho vật nuôi, nuôi các giống vật nuôi cải tiến, chăn nuôi trong vùng có kiểm soát, v.v; Trong nuôi trồng thủy sản, cần phải xử lý môi trường ao nuôi, đặc biệt là xử lý và kiểm soát nguồn nước, áp dụng công nghệ nuôi trồng tiên tiến, v.v.

Rủi ro thiên tai: Có thể giảm thiểu rủi ro do thiên tai bằng các phương pháp như lập lịch thời vụ để tránh thiên tai, trồng các giống cây chịu lũ/hạn, sử dụng biện pháp tưới nước tiết kiệm,

cải tiến giống vật nuôi, bố trí chuồng nuôi, dự trữ thức ăn gia súc, các loài nuôi trồng thủy sản chịu mặn, v.v. tùy thuộc vào từng loại đối tượng sản xuất và loại hình thiên tai ở từng khu vực.

Dù hữu ích, song, chi phí cho việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro kể trên là khá cao và kể cả khi đã áp dụng, những biện pháp này cũng không thể loại bỏ hoàn toàn các rủi ro. Tuy vậy, nông dân vẫn nên được khuyến khích ứng dụng các biện pháp kỹ thuật giảm thiểu rủi ro ngay cả khi họ có bảo hiểm nông nghiệp, vì hợp đồng bảo hiểm sẽ không bao gồm tổn thất do sơ suất và thực hành nông nghiệp kém.

Ngay từ đầu khi mới tham gia bảo hiểm, khả năng tiếp cận thêm vốn đầu tư của nông dân đã gia tăng nhờ giảm rủi ro nói chung. Do đó, khả năng tiếp cận vốn và đầu vào cho canh tác/nuôi trồng được cải thiện giúp nông dân có thể áp dụng các phương pháp giảm thiểu rủi ro hiệu quả. Ví dụ, nông dân trồng lúa sẽ dễ có khả năng tiếp cận yếu tố đầu vào cho canh tác quản lý dịch hại trên cây lúa hơn, nhờ đã giảm thiểu rủi ro khi mua bảo hiểm cho cây trồng.

3. Hoạt động quản lý rủi ro trong sản xuất nông nghiệp và vai trò của bảo hiểm

Nông dân có thể quản lý rủi ro trong sản xuất nông nghiệp bằng cách sử dụng các yếu tố đầu vào giảm thiểu rủi ro như phân bón, thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ; sử dụng các công nghệ giảm thiểu rủi ro như giống kháng hạn và sâu bệnh, giống vật nuôi cải tiến và sử dụng hệ thống tưới tiêu, v.v.

Rủi ro sản xuất nông nghiệp cũng có thể được quản lý thông qua tự bảo hiểm (nông dân bù đắp những tổn thất nhỏ bằng tiền tiết kiệm) hoặc bằng hợp đồng bảo hiểm (chuyển rủi ro cho một đơn vị khác). Nông dân cũng có thể quản lý rủi ro bằng cách tham gia những hoạt động rủi ro thấp như chọn giống uy tín thay vì giống lạ có khả năng sinh lợi cao và đa dạng hóa sản xuất, chẳng hạn như tạo thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp, tham gia vào các hoạt động nông nghiệp ở nhiều địa điểm khác nhau, quản lý nhiều doanh nghiệp nông nghiệp tại cùng một thời điểm và một địa điểm.

Một số rủi ro nhất định có thể ảnh hưởng đến nhiều nông dân cùng một lúc (ví dụ như lũ lớn), họ sẽ khó có thể tự xoay sở bằng những hình thức chia sẻ rủi ro không chính thức vì phần lớn nông dân trong cùng khu vực sẽ bị ảnh hưởng bởi những "rủi ro đồng biến" này. Ngoài ra, nông dân có thể phải đối mặt với "rủi ro tồn đọng" là những rủi ro hiếm gặp và rất nghiêm trọng (ví dụ như lũ lụt lớn xảy ra trong vòng 20 năm), họ khó có thể quản lý nếu chỉ bằng những hoạt động giảm thiểu rủi ro thông thường. Trong trường hợp này, tham gia bảo hiểm nông nghiệp giúp nông dân đối phó với cả rủi ro đồng biến và rủi ro tồn đọng không thể bằng quản lý cả hai loại rủi ro nếu chỉ bằng hoạt động giảm thiểu rủi ro hiện có.

4. Giải pháp (công cụ) tài chính ứng phó với rủi ro

Các công cụ tài chính sau có thể được sử dụng để đối phó với rủi ro trong nông nghiệp bao gồm:

- **Bảo hiểm:** Bảo hiểm có thể được sử dụng như một công cụ tài chính để đối phó với rủi ro, chuyển rủi ro từ người được bảo hiểm sang công ty bảo hiểm. Bảo hiểm nông nghiệp góp phần giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động nông nghiệp, bảo vệ tài sản cũng như thu nhập của nông dân và thúc đẩy đầu tư vào các hoạt động nông nghiệp nhờ gia tăng khả năng tiếp cận các khoản vay và đầu vào giá trị cao cho nông dân.
- **Tiết kiệm:** Tiết kiệm có thể bảo vệ sinh kế của nông dân khỏi những rủi ro nhỏ mà bảo hiểm không chi trả, và để chi trả cho các nhu cầu cơ bản như thực phẩm và hóa đơn điện nước khi bị mất thu nhập từ các hoạt động nông nghiệp.
- **Tín dụng:** Các khoản vay mượn từ người thân và bạn bè đóng vai trò như một mạng lưới an sinh cho nông dân để trang trải những thiệt hại trong trường hợp không có bảo hiểm hay tiết kiệm cá nhân. Giúp nông dân tiếp tục các hoạt động nông nghiệp và chi trả cho các nhu cầu cơ bản hàng ngày.

5. Chia sẻ và chuyển giao rủi ro

Rủi ro có thể được chia sẻ hoặc chuyển giao thông qua cơ chế chính thức và không chính thức. Trong chia sẻ rủi ro không chính thức, tổn thất sản xuất có thể được bù đắp bằng tiết kiệm, vay mượn hoặc nhận hỗ trợ từ người thân và bạn bè. Ví dụ, rủi ro có thể được chuyển giao bởi các cá nhân và doanh nghiệp thông qua việc mua các sản phẩm bảo hiểm và có thể được chia sẻ bởi các công ty bảo hiểm thông qua các thỏa thuận như đồng bảo hiểm (hai hoặc nhiều công ty bảo hiểm chia sẻ rủi ro với nhau) và tái bảo hiểm (một công ty bảo hiểm tự bảo hiểm bằng cách chuyển rủi ro sang một công ty tái bảo hiểm).

Bảo hiểm có thể là một hình thức chuyển giao rủi ro hiệu quả khi đối phó với những rủi ro xảy ra với một nhóm người trên cùng một địa bàn. Như hạn hán, những rủi ro như vậy không thể được chia sẻ một cách hiệu quả do toàn bộ người dân trong nhóm người này đều phải chịu ảnh hưởng bởi rủi ro. Tương tự, những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng có tác động rất nghiêm trọng (ví dụ như lũ lụt thảm khốc) cũng có thể được quản lý hiệu quả thông qua cơ chế bảo hiểm thay vì các phương thức không chính thức khác như vay mượn từ người thân hoặc tiết kiệm. Nguyên nhân là do cơ chế bảo hiểm thường có lợi ích được trả (bồi thường) cao hơn nhiều so với phí bảo hiểm và so với lợi ích mang lại từ tiết kiệm khi rủi ro xảy ra. Cơ chế bảo hiểm cũng giúp rủi ro được chia sẻ giữa các nhóm người khác nhau và các địa điểm khác nhau, do đó khi một nhóm người trải qua một sự kiện nghiêm trọng, phí bảo hiểm thu được từ nhóm người hoặc địa điểm khác có thể được sử dụng để trả quyền lợi bảo hiểm cho nhóm người bị ảnh hưởng này.

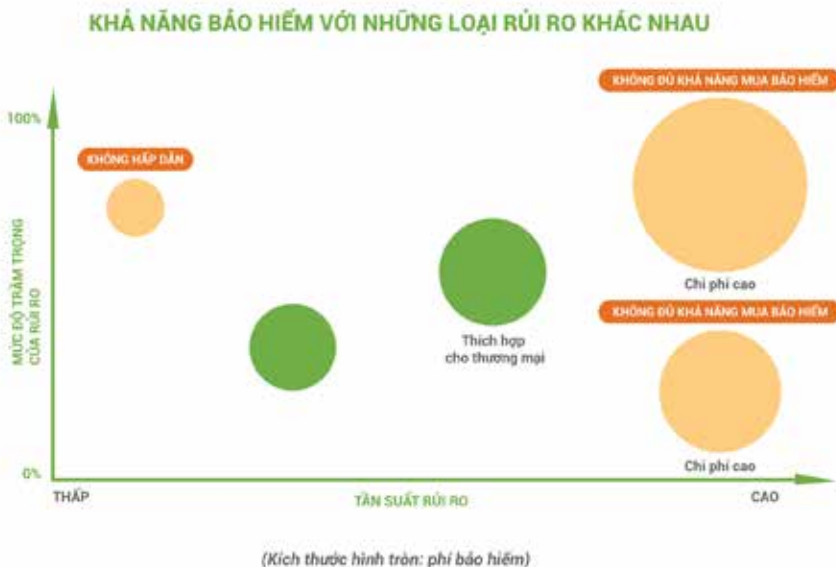
6. Áp dụng bảo hiểm cho các rủi ro khác nhau

Tần suất xảy ra sự kiện rủi ro và mức độ nghiêm trọng của tổn thất có ảnh hưởng rất lớn đến khả năng bảo hiểm rủi ro, giá (phí bảo hiểm) của sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp và các điều kiện cũng như điều khoản của sản phẩm.

Bảo hiểm được sử dụng tốt nhất cho những rủi ro có tần suất thấp và mức độ tổn thất từ trung bình đến cao. Rủi ro với tần suất rất cao (ví dụ như biến động thông thường về năng suất cây trồng) hoặc mức độ nghiêm trọng rất cao (ví dụ như thiệt hại do lũ lụt vô cùng nghiêm trọng) thường bảo hiểm sẽ không có hiệu quả. Những rủi ro như vậy cũng sẽ khiến phí bảo hiểm rất cao cùng với các điều khoản và điều kiện nghiêm ngặt, trong khi giá trị bảo hiểm cho người được bảo hiểm lại thấp.

Rủi ro với tần suất thấp, mức độ tổn thất thấp và rủi ro với tần suất cao, mức độ tổn thất thấp có thể được giải quyết bằng tự bảo hiểm (ví dụ, nông dân hoặc hợp tác xã nông nghiệp bảo hiểm thiệt hại sản xuất bằng khoản tiết kiệm của họ), vì những rủi ro đó không mang lại lợi nhuận cho các công ty bảo hiểm.

Khả năng bảo hiểm tương đối của các loại rủi ro khác nhau được minh họa dưới đây, cùng với những ưu/nhược điểm tương đối tùy theo tần suất và mức độ nghiêm trọng của việc bảo hiểm các loại rủi ro khác nhau này.



Ngoài ra, các loại rủi ro khác trong nông nghiệp còn bao gồm rủi ro về giá cả như sự bất trắc trong chi phí mà nông dân sẽ trả cho đầu vào và giá bán sản phẩm; và rủi ro tài chính bao gồm khả năng tiếp cận tín dụng hạn chế, lãi suất tăng, nghĩa vụ hoàn trả các khoản vay, v.v. Nói chung, đây là những rủi ro có thể bảo hiểm được và được quản lý tốt nhất thông qua các phương pháp thay thế như đảm bảo giá tối thiểu và giới hạn lãi suất để quản lý rủi ro giá cả và tài chính.

CHƯƠNG 3: BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

1. Lợi ích của việc có bảo hiểm nông nghiệp

Bảo hiểm nông nghiệp có thể bồi thường cho những nông dân khi xảy ra thiệt hại lớn về cây trồng, vật nuôi hoặc nuôi trồng thủy sản với các rủi ro cụ thể được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Khoản bồi thường này có thể giúp nông dân giải quyết được các nhu cầu hàng ngày như lương thực và thanh toán hóa đơn, khắc phục hậu quả làm ăn thua lỗ và thúc đẩy tái đầu tư để phục hồi sản xuất nhanh hơn. Bảo hiểm cũng có thể giúp nông dân tiếp cận dễ dàng hơn với các khoản vay từ ngân hàng, cải thiện mối quan hệ với các doanh nghiệp nông nghiệp, giúp nông dân tiếp cận dễ dàng hơn với hạt giống, phân bón và các đầu vào khác, từ đó thúc đẩy quá trình bán các đầu vào nông nghiệp. Nhìn chung, bảo hiểm giúp nông dân kinh doanh dễ dàng hơn.

Bảo hiểm nông nghiệp có thể làm giảm nguy cơ vỡ nợ từ các khoản vay nông nghiệp. Từ đó giúp các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác giải ngân các khoản vay nông nghiệp dễ dàng hơn với mức rủi ro tín dụng thấp hơn. Bằng cách giảm thiểu rủi ro, bảo hiểm nông nghiệp cũng góp phần khuyến khích nông dân đầu tư vào sản xuất thông qua mở rộng quy mô, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Đồng thời, bảo hiểm cây trồng cũng có tiềm năng giúp tăng cường bán các vật tư đầu vào cho nông nghiệp, cải thiện mối quan hệ kinh doanh giữa doanh nghiệp tiêu thụ và nông dân, đồng thời cũng giảm một số rủi ro kinh doanh khác trong nông nghiệp.

Thêm vào đó, bảo hiểm nông nghiệp là công cụ hữu hiệu để thúc đẩy thực hành nông nghiệp tốt, bao gồm tăng cường áp dụng các quy trình kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật phù hợp. Từ đó, không chỉ giúp tăng khả năng quản lý rủi ro, mà còn nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất và hướng tới nền sản xuất nông nghiệp bền vững hơn.

2. Thiết kế sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp

a. Loại dữ liệu được sử dụng

Các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp được phát triển và định giá bằng cách sử dụng thông tin/dữ liệu cụ thể về nông nghiệp (ví dụ: bản chất của cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản có liên quan) và cả thông tin/dữ liệu liên quan đến các rủi ro (ví dụ hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh, v.v.) cần được bảo hiểm. Sản phẩm bảo hiểm cây trồng cần thông tin về thực hành canh tác, lịch mùa vụ, loại hình canh tác, bản chất của các rủi ro liên quan (ví dụ rủi ro liên quan đến thời tiết), lịch sử năng suất và lịch sử về thiên tai, dịch bệnh đã từng ảnh hưởng đến một khu vực cụ thể. Ngoài ra, dữ liệu thời tiết và hình ảnh thảm thực vật thu thập qua vệ tinh cũng được sử dụng để

thiết kế và định giá các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp. Các sản phẩm bảo hiểm chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản được phát triển và định giá dựa trên loại động vật được bảo hiểm, phương thức chăn nuôi hiện có, bản chất của rủi ro, lịch sử rủi ro xảy ra trong quá khứ, v.v.

b. Quy trình thiết kế sản phẩm

Các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp được thiết kế dựa trên nhiều yếu tố khác nhau. Những yếu tố đó bao gồm rủi ro liên quan đối với cây trồng/vật nuôi/nuôi trồng thủy sản, thực hành chăn nuôi tốt (chăm sóc, thú y tốt), tính sẵn có của dữ liệu và quy trình được sử dụng để đánh giá yêu cầu bồi thường và các biện pháp cần thiết để quản lý rủi ro cũng như các biện pháp cho phép công ty bảo hiểm cung cấp sản phẩm bảo hiểm ngay từ đầu.

c. Phương pháp định giá

Việc định giá các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp sẽ tính đến bản chất của những rủi ro tiềm ẩn, bao gồm khả năng xảy ra sự kiện được bảo hiểm và quy mô yêu cầu bồi thường dự kiến nếu sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Việc định giá đòi hỏi phải có đủ dữ liệu trong quá khứ để tính toán một cách khoa học và công bằng mức phí bảo hiểm dựa trên rủi ro thực tế xảy ra ở các địa điểm khác nhau và đối với các loại cây trồng khác nhau. Những nơi xảy ra rủi ro thường xuyên và có tác động lớn thường sẽ có phí bảo hiểm cao hơn so với những nơi hiếm khi xảy ra các sự kiện rủi ro.

Điều quan trọng là việc định giá cần phải phản ánh chính xác những rủi ro liên quan đến một địa điểm vì điều này có thể ảnh hưởng đến giá của sản phẩm, gây khó khăn cho việc thực hiện những yêu cầu bồi thường của công ty bảo hiểm

d. Ví dụ về giá bảo hiểm

Việc định giá cần tính đến khả năng xảy ra rủi ro và quy mô yêu cầu bồi thường nếu sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Ví dụ: nếu một công ty bảo hiểm tính rằng có 1/10 khả năng xảy ra lũ lụt ở một địa điểm cụ thể và quy mô yêu cầu bồi thường dự kiến là 30% tổng giá trị được bảo hiểm, thì thành phần rủi ro thuần túy của phí bảo hiểm được tính bằng:

$$\text{Rủi ro thuần túy} = 1/10 \times 30\% = 3\% \text{ Tổng giá trị được bảo hiểm}$$

Ngoài ra, công ty bảo hiểm cũng sẽ cần thêm thông tin về biên độ bất chắc, lợi nhuận và chi phí nghiệp vụ. Do đó phí bảo hiểm cuối cùng cho rủi ro thuần túy có thể lên tới 5% tổng giá trị được bảo hiểm. Như vậy, nếu cơ hội xảy ra sự kiện được bảo hiểm thấp hơn hoặc quy mô yêu cầu bồi thường dự kiến thấp hơn thì phí bảo hiểm cũng sẽ giảm và ngược lại.

e. Sử dụng dữ liệu vệ tinh

Công nghệ vệ tinh được sử dụng trong bảo hiểm nông nghiệp để theo dõi điều kiện thời tiết cũng như thảm thực vật trên mặt đất. Để theo dõi lượng mưa, công nghệ vệ tinh đã đo nhiệt độ, tốc độ và các đặc điểm khác của những đám mây ở những vị trí cụ thể nhằm ước tính các thông số như lượng mưa và nhiệt độ một cách thường xuyên (ví dụ: hàng ngày hoặc 10 ngày một lần). Để theo dõi thảm thực vật, công nghệ vệ tinh đo mức độ phủ xanh của các cánh đồng (như đối với cây lúa) và qua thước đo này có thể ước tính sức khỏe (dự báo năng suất) của cây trồng.

Mặc dù có sự khác biệt giữa kết quả vệ tinh thu được và kết quả thu được qua quan sát trên mặt đất, công nghệ vệ tinh vẫn là một công cụ hữu ích đối với bảo hiểm nông nghiệp nói chung và bảo hiểm chỉ số nói riêng trong việc theo dõi lượng mưa và tình trạng của thực vật. Nhìn chung, các công ty bảo hiểm và tái bảo hiểm sử dụng dữ liệu vệ tinh dễ dàng hơn nhiều so với các nguồn dữ liệu khác. Bên cạnh đó, vì dữ liệu thu được từ vệ tinh thường có thể được lưu trữ trong thời gian dài (đến hơn 30 năm), nên phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm cũng có thể giảm nhờ hiệu quả về chi phí và tính khả dụng tốt của việc sử dụng dữ liệu vệ tinh.

f. Sử dụng đánh giá yêu cầu bồi thường

Đối với bảo hiểm bồi thường (như với chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản), những nông dân bị ảnh hưởng cần phải báo cáo những thiệt hại của họ kịp thời theo hướng dẫn. Yêu cầu bồi thường sau đó được cơ quan khuyến nông của nhà nước và/hoặc các chuyên gia do công ty bảo hiểm chỉ định đánh giá. Quyết định về việc yêu cầu bồi thường có xác đáng hay không sẽ được công bố dựa trên kết quả đánh giá tổn thất. Đánh giá tổn thất tập trung vào những nội dung sau: ảnh hưởng của sự yếu kém trong thực hành sản xuất của nông dân, lý do dẫn đến tổn thất, khả năng giảm trừ trước khi yêu trả bồi thường. Qua đánh giá yêu cầu bồi thường, sẽ quyết định chính xác số tiền trong yêu cầu bồi thường được thanh toán. Ví dụ, đối với nuôi trồng thủy sản, yêu cầu bồi thường dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm tỷ lệ cá/tôm chết, giai đoạn của chu kỳ sản xuất, mức độ thiệt hại, v.v.

g. Giám sát trải nghiệm

Giám sát trải nghiệm đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá các khía cạnh khác nhau của việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp. Ví dụ: một số thước đo chính để đánh giá trải nghiệm của chương trình bảo hiểm nông nghiệp từ quan điểm của nông dân gồm:

- i. Số lượng nông dân và tổ chức đại diện cho nông dân có thể tiếp cận được qua các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức;
- ii. Số nông dân đã mua sản phẩm bảo hiểm theo địa điểm và loại sản phẩm bảo hiểm;

- iii. Số nông dân báo cáo yêu cầu bồi thường và lý do yêu cầu bồi thường;
- iv. Số nông dân nhận được tiền bồi thường và số tiền bồi thường được trả (so với giá trị bảo hiểm của nông dân đó);
- v. Thời gian cần để yêu cầu bồi thường được thanh toán, lý do chi trả bồi thường và lý do chậm trễ trong việc chi trả yêu cầu bồi thường;
- vi. Trải nghiệm được trả yêu cầu bồi thường và trải nghiệm thiệt hại của nông dân và lý do chênh lệch;
- vii. Các biện pháp quản lý rủi ro nông dân thực hiện và hiệu quả của các biện pháp này;
- viii. Mối quan hệ giữa việc thanh toán yêu cầu bồi thường và cách nông dân sử dụng tiền bồi thường để bảo vệ sinh kế và/hoặc các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- ix. Cảm nhận về quan hệ bảo hiểm của các đại diện của nông dân (tổ chức tài chính và doanh nghiệp nông nghiệp);
- x. Phản hồi cụ thể từ nông dân và đại diện nông dân về cách tiếp tục cải thiện quy trình và sản phẩm.

h. Vai trò của kênh phân phối

Để nông dân có thể được bảo hiểm thành công về lâu dài thì việc tiếp cận với nông dân thông qua các kênh phân phối hoặc kênh tổng hợp chẳng hạn như doanh nghiệp nông nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính khác, tổ chức nông dân, tổ chức phi chính phủ, v.v., là vô cùng quan trọng. Bên cạnh đó, các kênh phân phối cũng cần coi việc hỗ trợ thực hiện bảo hiểm nông nghiệp là một quan hệ kinh doanh. Một số trường hợp kinh doanh tiềm năng cho các kênh phân phối bảo hiểm nông nghiệp gồm có giảm rủi ro tín dụng, tăng cường mối quan hệ với nông dân, nâng cao năng suất của nông dân, khuyến khích ký kết hợp đồng dài hạn với nông dân, v.v.

Các kênh phân phối cũng rất quan trọng trong việc phát triển sản phẩm, định giá và thực hiện bảo hiểm nông nghiệp. Họ cũng có thể giữ vai trò là “bộ mặt” của bảo hiểm, vì vậy nông dân thay vì tiếp xúc với công ty bảo hiểm thì chỉ tiếp xúc với kênh phân phối mà họ đã sử dụng và tin tưởng. Kênh phân phối có thể đóng nhiều vai trò khác nhau trong việc tiếp cận nông dân, đăng ký bảo hiểm cho nông dân, tạm ứng trước phí bảo hiểm, cung cấp dữ liệu cho các công ty bảo hiểm để có sản phẩm và giá tốt hơn, và đánh giá yêu cầu bồi thường. Do đó, sự tham gia và vai trò của các kênh phân phối là rất quan trọng cho sự tồn tại của các chương trình bảo hiểm nông nghiệp, đặc biệt là đối với nông dân quy mô nhỏ.

Sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp có thể được phân phối qua ngân hàng và tổ chức tài chính

vi mô, tổ chức tổng hợp, tổ chức nông dân, đại lý đầu vào, cơ quan viện trợ/tài trợ và các kênh kỹ thuật số khác.

Thông thường, đối với các sản phẩm hiện nay, ở những địa phương có chương trình bảo hiểm nông nghiệp, chính quyền địa phương sẽ thông báo cho người dân về thông tin này. Sau đó, đại diện của công ty bảo hiểm (nhân viên của công ty bảo hiểm hoặc đại lý bảo hiểm) sẽ làm việc với chính quyền địa phương và cùng tổ chức tuyên truyền trực tiếp cũng như phát tài liệu quảng bá ở thôn/làng. Như vậy, nông dân có thể dễ dàng tiếp cận và đưa ra quyết định về việc chọn mua bảo hiểm nông nghiệp.

Theo Nghị định 58/2018/NĐ-CP, chủ hợp đồng bảo hiểm có thể là nông dân hoặc tổ chức có liên quan đến việc canh tác cây trồng được bảo hiểm (như lúa). Những nông dân hoặc tổ chức này có thể ký hợp đồng bảo hiểm với công ty bảo hiểm và trả phí bảo hiểm cần thiết để mua sản phẩm bảo hiểm. Nếu yêu cầu bồi thường thuộc diện được thanh toán, thì nhìn chung, tiền bồi thường bảo hiểm sẽ đi từ công ty tái bảo hiểm qua công ty bảo hiểm để đến với bên được bảo hiểm (nông dân hoặc đại diện hợp pháp của nông dân).



Nông dân cũng có thể mua bảo hiểm cây trồng thông qua đại diện hợp pháp. Trong trường hợp này, doanh nghiệp bảo hiểm yêu cầu nông dân ký giấy ủy quyền cho tổ chức đại diện (như doanh nghiệp nông nghiệp, tổ chức tài chính, hợp tác xã hoặc các tổ chức khác) hoặc cá nhân (như người đứng đầu cộng đồng hoặc đại diện nhóm nông dân). Người đại diện hợp pháp có thể là chủ hợp đồng bảo hiểm, trong trường hợp này, thay mặt nông dân (người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm), đại diện hợp pháp của nông dân sẽ nộp phí bảo hiểm và nhận tiền bồi thường nếu có. Trong trường hợp bên được bảo hiểm là một tổ chức thì nông dân có thể không trực tiếp hưởng lợi từ sản phẩm bảo hiểm mà gián tiếp hưởng lợi vì tổ chức đó có khả năng cấp thêm tín dụng hay nguyên liệu đầu vào cho nông dân nhờ những rủi ro mà họ gặp phải đã được giảm thiểu bằng bảo hiểm nông nghiệp. Trong trường hợp này, nếu yêu cầu bồi thường thuộc diện được thanh toán, thì nhìn chung, tiền bồi thường bảo hiểm sẽ đi như sau:



3. Các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp¹ ở Việt Nam

Các loại sản phẩm bảo hiểm phổ biến trong nông nghiệp là bảo hiểm chỉ số và bảo hiểm bồi thường. Sản phẩm bảo hiểm chăn nuôi và thủy sản hiện đang triển khai tại Việt Nam là bảo hiểm nông nghiệp bồi thường, còn sản phẩm bảo hiểm lúa gạo là bảo hiểm nông nghiệp theo chỉ số năng suất.

Bảo hiểm lúa gạo – Năng suất được bảo hiểm của bảo hiểm theo chỉ số là năng suất dự kiến tối thiểu trong thời hạn bảo hiểm, được thỏa thuận bằng 90% năng suất bình quân trong 3 năm trước đó (đơn vị: tấn/ha). Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp (NIAPP) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã triển khai dự án Thông tin viễn thám và bảo hiểm cây trồng (RIICE) để tính toán và công bố dữ liệu năng suất thực tế đến cấp xã. Dữ liệu năng suất lúa do NIAPP công bố được lấy làm căn cứ tính toán khoản bảo hiểm và giải quyết bồi thường.

Sản phẩm bảo hiểm này còn bảo vệ các rủi ro dịch bệnh như bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, lùn sọc đen, đạo ôn, bạc lá, rầy nâu, sâu đục thân; và rủi ro thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ lụt, lũ quét, ngập úng, sạt lở đất, sụt lún đất, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần. Những thiên tai, dịch bệnh này phải được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố hoặc xác nhận theo hướng dẫn của Thông tư 09/2020/TT-BNNPTNT, đây là một điều kiện để công ty bảo hiểm xem xét chi trả bồi thường.

Bảo hiểm chăn nuôi – là sản phẩm bảo hiểm cho trâu, bò giống, lấy thịt và bò sữa, trước những rủi ro do thiên tai, dịch bệnh gây ra. Các dịch bệnh được bảo hiểm bao gồm lở mồm long móng và bệnh than; những rủi ro về thiên tai được bảo hiểm bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy, sét, mưa lớn, lũ lụt, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sụt lún đất, sóng nhiệt, hạn hán, lạnh giá, mưa đá, sương muối, động đất hoặc sóng thần. Những thiên tai, dịch bệnh này phải được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố hoặc xác nhận theo hướng dẫn của Thông tư 09/2020/TT-BNNPTNT.

Tại thời điểm hợp đồng bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực, đối tượng được bảo hiểm phải: có sức khỏe tốt, không bị thương tật, ốm đau, tàn tật, dị tật và đã được tiêm phòng các bệnh được bảo hiểm theo quy định của cơ quan thú y, không được nuôi trong vùng hiện đang có dịch bệnh, đeo thẻ tai có mã số (ảnh chụp gia súc đeo thẻ phải gửi cho công ty bảo hiểm trước ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực), gia súc trong độ tuổi từ 6 tháng đến 6 tuổi đối với trâu, bò thịt, từ 6 tháng đến 8 tuổi đối với trâu, bò sữa phải được nuôi theo đúng quy chuẩn kỹ thuật, quy trình chăn nuôi

¹ Các sản phẩm được mô tả ở đây là các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp hiện có, đã được Bộ Tài Chính phê chuẩn thực hiện ở Việt Nam tại thời điểm soạn thảo sổ tay hướng dẫn là ngày 31 tháng 3 năm 2021.

đã được ban hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

Bảo hiểm thủy sản – là loại bảo hiểm cho tôm sú và tôm thẻ chân trắng trước những rủi ro do thiên tai bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy, sét, mưa lớn, lũ lụt, ngập lụt, sạt lở đất, sụt lún đất, nước dâng, xâm nhập mặn, sóng nhiệt, hạn hán, mưa đá, động đất, sóng thần. Những thiên tai, dịch bệnh này phải được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công bố hoặc xác nhận theo hướng dẫn của Thông tư 09/2020/TT-BNNPTNT.

Bảo hiểm có hiệu lực từ ngày nuôi đầu tiên - thả tôm giống - cho đến (a) ngày thứ 120 đối với tôm sú hoặc (b) ngày thứ 80 đối với tôm thẻ chân trắng.



4. Khả năng ứng phó rủi ro trong bảo hiểm nông nghiệp

Trong lĩnh vực nông nghiệp, những thiệt hại về sản lượng/cây trồng do thiên tai và dịch bệnh, thiệt hại trong chăn nuôi do thiên tai và dịch bệnh, thiệt hại trong nuôi trồng thủy sản do thiên tai đều có thể được bảo hiểm. Rủi ro được bảo hiểm ở đây KHÔNG phải là rủi ro không thể phòng ngừa được và nông dân phải thực hiện mọi biện pháp để có thể ngăn ngừa sự xuất hiện cũng như tác động của những rủi ro liên quan.

Nghị định 58/2018, Điều 15 về kiểm soát rủi ro quy định người được bảo hiểm cần chủ động thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro, chẳng hạn như tuân thủ đầy đủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Người được bảo hiểm nên tuân theo các quy tắc, chẳng hạn như tuân theo các quy tắc cách ly khi chúng được áp dụng và đảm bảo việc bảo vệ môi trường. Do đó, thực hành canh tác tốt (theo các quy trình kỹ thuật được khuyến nghị) là điều kiện tiên quyết để nông dân tham gia bảo hiểm, đồng thời cũng là điều khoản cam kết của nông dân với

công ty bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. Nếu các quy trình kỹ thuật không được tuân thủ, công ty bảo hiểm có thể hủy bỏ bảo hiểm hoặc số tiền bồi thường có thể bị giảm (ví dụ giảm tới 20%) khi nông dân không tuân thủ các biện pháp canh tác và bảo vệ lúa tốt, theo hướng dẫn của chính phủ. Do đó, bảo hiểm cũng là công cụ quan trọng có thể giúp nông dân tăng cường áp dụng các quy trình kỹ thuật được khuyến nghị, từ đó, tăng hiệu quả và tính bền vững của hoạt động sản xuất và kinh doanh nông nghiệp.

5. Mức độ phù hợp của bảo hiểm đối với chuỗi giá trị nông nghiệp ở Việt Nam

Hiện nay, Việt Nam đã thực hiện bảo hiểm đối với cây lúa, trâu bò, tôm thẻ chân trắng và tôm sú. Tuy nhiên, vẫn có những mục tiêu trong việc mở rộng bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam đối với các loại cây trồng/vật nuôi/thủy sản chủ lực khác như cao su, hồ tiêu, điều, cà phê, cây ăn quả, rau, lợn, gia cầm, cá tra, v.v.

Nghị định 58/2018 khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm phát triển các sản phẩm bảo hiểm đối với lúa gạo, cao su, hồ tiêu, điều, cà phê, cây ăn quả, rau quả và không giới hạn phạm vi bảo hiểm. Tuy nhiên, Quyết định 22/2019 và Quyết định 03/2021 hiện mới chỉ hỗ trợ phí bảo hiểm đối với bảo hiểm lúa gạo ở 7 tỉnh gồm Thái Bình, Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Thuận, An Giang, Đồng Tháp; trâu bò tại 8 tỉnh gồm Hà Giang, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Đồng Nai, Bình Dương; và tôm thẻ chân trắng và tôm sú tại 5 tỉnh gồm Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

6. Đặc điểm chính của sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp

a. Thời hạn bảo hiểm

Thời hạn bảo hiểm phụ thuộc vào loại sản phẩm bảo hiểm, thường được người bảo hiểm và người được bảo hiểm thỏa thuận trước khi bắt đầu hợp đồng bảo hiểm. Phạm vi bảo hiểm có thể là hàng năm hoặc theo mùa, tùy thuộc vào vòng đời cây trồng/vật nuôi/thủy sản.

Trong bảo hiểm cây trồng, thời gian bảo hiểm có thể dựa trên thời gian của mùa mưa/mùa khô, thời gian từ khi trồng/giai đoạn đầu sinh trưởng đến khi thu hoạch cây trồng hoặc một giai đoạn sinh trưởng cụ thể. Trong bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm có thể là hàng năm hoặc theo tháng đối với vật nuôi trong một độ tuổi cụ thể. Đối với bảo hiểm nuôi trồng thủy sản, phạm vi bảo hiểm thường từ ngày nuôi đầu tiên đến ngày đáo hạn.

Các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp nói chung cần được đổi mới thường xuyên (ví dụ: theo mùa hoặc hàng năm). Để gia hạn sản phẩm, phải trả thêm phí bảo hiểm mỗi khi sản phẩm bảo hiểm được gia hạn. Phí bảo hiểm gia hạn thường phải trả trước khi thời hạn bảo hiểm gia hạn bắt đầu.

b. Giá trị được bảo hiểm

Trong bảo hiểm nông nghiệp, giá trị bảo hiểm là số tiền tối đa mà công ty bảo hiểm phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm khi xảy ra sự kiện rủi ro được bảo hiểm. Giá trị này có thể dựa trên chi phí giống hoặc các đầu vào khác cho vụ mùa, giá cây trồng dự kiến vào cuối vụ, giá trị thị trường dự kiến của vật nuôi, diện tích canh tác, mật độ nuôi trồng thủy sản, chi phí thức ăn và giống, chi phí sản xuất, số tiền gốc cho vay, v.v.

c. Bảo hiểm bồi thường

Bảo hiểm bồi thường là loại sản phẩm bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho người được bảo hiểm dựa trên những tổn thất thực tế phát sinh do rủi ro được bảo hiểm. Bảo hiểm bồi thường bao gồm việc đánh giá gián tiếp hoặc trực tiếp bởi người điều chỉnh tổn thất, người ước tính chi phí tài chính của tổn thất.

Ở Việt Nam, mặc dù hiện đã có sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp bồi thường cho vật nuôi (trâu, bò) và nuôi trồng thủy sản (tôm thẻ chân trắng và tôm sú), tuy nhiên, việc mở rộng phạm vi bảo hiểm cho các vật nuôi và nuôi trồng thủy sản khác cũng đang được cân nhắc.

d. Bảo hiểm chỉ số

Bảo hiểm theo chỉ số là một cách tiếp cận bảo hiểm liên quan đến việc đánh giá gián tiếp các tổn thất thông qua một chỉ số cơ bản, chẳng hạn như lượng mưa, nhiệt độ, độ ẩm hoặc thống kê sản lượng chính thức của khu vực. Khoản bồi thường từ sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số có được nhờ sự sai lệch trong chỉ số cơ bản có liên quan nhiều đến rủi ro được bảo hiểm như hạn hán, lũ lụt hoặc sụt giảm năng suất.

Có ba loại bảo hiểm theo chỉ số phổ biến được đề cập trong Nghị định 58/2018/NĐ-CP bao gồm:

Bảo hiểm theo chỉ số năng suất, trong đó, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường theo mức giảm năng suất thực tế của địa bàn (huyện, xã, ...) theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp, không phân biệt tổn thất thực tế của đối tượng bảo hiểm.

Bảo hiểm chỉ số thời tiết, theo đó khi xảy ra sự kiện được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường theo sự biến động của chỉ số thời tiết (mưa, gió, hạn hán, lũ lụt, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần, v.v) theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp, không phụ thuộc vào tổn thất thực tế của người được bảo hiểm. Chỉ số thời tiết có thể được theo dõi thông qua các trạm khí tượng hoặc thông qua dữ liệu vệ tinh.

Bảo hiểm theo chỉ số viễn thám là một loại chỉ số thời tiết, theo đó khi xảy ra sự kiện được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ bồi thường theo sự biến động của các thông số thời tiết bằng cách sử dụng dữ liệu vệ tinh tương tự như đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp, bất kể tổn thất thực tế của đối tượng được bảo hiểm.

Bảo hiểm theo chỉ số làm giảm đáng kể sự xuất hiện của rủi ro đạo đức và lựa chọn bất lợi, là những hạn chế chính trong bảo hiểm bồi thường. Tuy vậy, bảo hiểm dựa trên chỉ số không bảo vệ nông dân khỏi mọi nguy cơ. Thay vào đó, nó cung cấp khả năng bảo vệ khi chỉ số giảm xuống dưới ngưỡng được chỉ định trước. Kết hợp với các chiến lược quản lý rủi ro khác như sử dụng hạt giống và đầu vào chất lượng tốt, thực hành quản lý nông nghiệp và trang trại tốt, bảo hiểm chỉ số có khả năng ổn định thu nhập của nông dân, nâng cao khả năng tiếp cận với các dịch vụ tài chính mà từ trước đến nay những nông dân không được tiếp cận.

Ví dụ về bảo hiểm chỉ số là bảo hiểm theo chỉ số thời tiết dựa trên vệ tinh và bảo hiểm chỉ số năng suất. Các loại sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số khác dựa trên thời tiết, chẳng hạn như chỉ số lượng mưa và nhiệt độ, chỉ số thực vật - kiểm tra lớp phủ thực vật trên mặt đất, chỉ số độ ẩm của đất - kiểm tra lượng ẩm được giữ lại trong đất, v.v.

e. Bảo hiểm theo chỉ số năng suất

Bảo hiểm chỉ số năng suất là một loại bảo hiểm dựa trên chỉ số trong đó tất cả nông dân đã mua hợp đồng bảo hiểm trong một khu vực (ví dụ: xã) được tự động bồi thường một số tiền nhất định nếu năng suất trung bình của cây trồng được bảo hiểm trong khu vực đó thấp hơn nhiều so với năng suất trung bình của cùng một khu vực (ví dụ: nếu năng suất thực tế nhỏ hơn 90% năng suất trung bình trong cùng một khu vực trong 3 năm trước đó). Sản lượng có thể được các cơ quan có thẩm quyền đo lường hoặc ước tính bằng cách sử dụng dữ liệu vệ tinh cho cùng một khu vực.

Bảo hiểm chỉ số năng suất lúa hiện nay áp dụng công nghệ viễn thám, nhằm giảm thiểu chi phí cho doanh nghiệp bảo hiểm, từ đó giảm phí bảo hiểm cho nông dân. Công nghệ này hoạt động bằng cách thu thập các hình ảnh vệ tinh trên đồng ruộng và so sánh chúng với mô hình phát triển của cây lúa dựa trên màu sắc của lá theo chu kỳ sinh trưởng của từng cây trồng ở mỗi địa điểm. Trên cơ sở đó, ước tính năng suất lúa ở các địa phương (ví dụ cấp xã) và mức giảm so với năng suất theo các dữ liệu được lưu trữ những năm trước đó.

Việc áp dụng công nghệ viễn thám đã được phát triển dựa trên nhiều năm kiểm chứng với dữ liệu thu thập được trên mặt đất nhằm nâng cao độ chính xác của sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số năng suất. Tuy vậy, dữ liệu thu thập được nhờ công nghệ viễn thám cũng cần tiếp tục phải

được kiểm chứng thêm với dữ liệu mặt đất, chẳng hạn như so sánh với kinh nghiệm thiệt hại và năng suất thực tế của nông dân để cải thiện độ chính xác của các sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số năng suất thu thập được thông qua công nghệ vệ tinh.

Dữ liệu thu thập được thông qua việc áp dụng công nghệ vệ tinh kết hợp với việc xác nhận rủi ro của các cơ quan chuyên môn sẽ là cơ sở cho việc đánh giá bồi thường nếu có thiệt hại xảy ra. Nó làm cho việc xác định thiệt hại chính xác và nhanh chóng hơn, tránh được sai sót của con người trong việc xác định thủ công các mức giảm năng suất.

f. Bảo hiểm theo chỉ số thời tiết

Bảo hiểm theo chỉ số thời tiết là loại bảo hiểm dựa trên chỉ số cây trồng trong đó tất cả nông dân đã mua hợp đồng bảo hiểm trong một khu vực (ví dụ: xã) được tự động bồi thường một số tiền nhất định trong trường hợp có sự thay đổi cực đoan về một hoặc một số chỉ số thời tiết (như lượng mưa, nhiệt độ, độ ẩm, v.v.). Ví dụ như lượng mưa sụt giảm (hạn hán) xảy ra trong khoảng 1 thời gian nhất định ở một khu vực nhất định. Biến thời tiết có thể thu thập được thông qua các trạm thời tiết trên mặt đất gần các khu vực được bảo hiểm hoặc ước tính bằng cách sử dụng dữ liệu vệ tinh cho cùng một khu vực.

g. Giám sát vệ tinh

Giám sát vệ tinh liên quan đến việc theo dõi và đo lường các chỉ số cơ bản (như lượng mưa, nhiệt độ, v.v.) của sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số thông qua vệ tinh. Trong loại hình bảo hiểm này, tất cả nông dân trong một khu vực (ví dụ như xã) sẽ được tự động bồi thường một số tiền nhất định nếu công nghệ vệ tinh phát hiện có hiện tượng thời tiết xấu (ví dụ như lốc xoáy) hoặc nếu vệ tinh phát hiện cây trồng có thể đã bị thiệt hại do điều kiện thời tiết xấu.

Giám sát vệ tinh cũng có thể được sử dụng trong bảo hiểm chỉ số năng suất bằng cách thu thập hình ảnh vệ tinh trên thực địa và so sánh với mô hình sinh trưởng của cây dựa trên màu sắc của lá theo chu kỳ sinh trưởng của từng cây trồng ở từng địa điểm, sau đó được sử dụng để ước tính năng suất lúa cho từng địa điểm.

Với chỉ số thu được thông qua giám sát vệ tinh đôi khi không phản ánh được chính xác các rủi ro trên mặt đất dẫn đến xuất hiện các rủi ro cơ sở. Cụ thể, nông dân có thể không nhận được bất kỳ khoản bồi thường nào mặc dù có những thiệt hại nghiêm trọng vì các dữ liệu vệ tinh không cho thấy các sự kiện thời tiết cực đoan xảy ra trên địa bàn. Ngược lại, nông dân có thể không bị thiệt hại nhưng nếu điều kiện thời tiết đo bằng vệ tinh trong khu vực nói chung là xấu thì nông dân đó lại có thể nhận được tiền bồi thường.

h. Rủi ro cơ sở

Rủi ro cơ sở là một hạn chế lớn của bảo hiểm theo chỉ số. Nó xảy ra khi các chỉ số đo được không khớp với tổn thất thực tế mà người được bảo hiểm phải chịu. Đó là khi có tổn thất trên các lĩnh vực được bảo hiểm nhưng chỉ số không đạt đến mức được bồi thường hoặc ngược lại.

Hai dạng rủi ro cơ sở chính trong bảo hiểm theo chỉ số là rủi ro cơ sở thiết kế sản phẩm và rủi ro cơ sở không gian. Rủi ro cơ sở thiết kế sản phẩm bắt nguồn từ các sản phẩm được thiết kế sai. Rủi ro này xảy ra khi quá trình kích hoạt ngưỡng bồi thường quá nghiêm ngặt hoặc quá lỏng lẻo hoặc khi dữ liệu lịch sử không đáng tin cậy được sử dụng để thiết kế sản phẩm. Rủi ro cơ sở không gian là kết quả ảnh hưởng của vị trí đo chỉ số, chẳng hạn như trạm thời tiết hoặc dữ liệu thời tiết vệ tinh được sử dụng không phản ánh đầy đủ và chính xác ở một số khu vực nhất định do độ phủ các trạm thời tiết quá rộng hoặc do độ phân giải ảnh chụp không gian quá thấp, v.v.

Rủi ro cơ sở có thể được chia sẻ cho cả công ty bảo hiểm và người được bảo hiểm. Trong trường hợp các khoản thanh toán được thực hiện khi không có tổn thất nào xảy ra trên các lĩnh vực được bảo hiểm, công ty bảo hiểm phải chịu rủi ro cơ sở. Nhưng khi tổn thất xảy ra trên các lĩnh vực được bảo hiểm và các chỉ số không kích hoạt được bồi thường thì người được bảo hiểm sẽ phải chịu rủi ro cơ sở.

Rủi ro cơ sở cũng có thể xảy ra trong bảo hiểm bồi thường khi số tiền bồi thường thấp hơn số tiền khấu trừ hoặc giảm trừ.

i. Báo cáo yêu cầu bồi thường

Báo cáo yêu cầu bồi thường là quá trình công ty bảo hiểm theo dõi liệu một sự kiện được bảo hiểm đã xảy ra hay chưa. Dựa trên báo cáo yêu cầu bồi thường, công ty bảo hiểm có thể xác định xem có nên thanh toán yêu cầu bảo hiểm hay không và nếu có thì số tiền yêu cầu bảo hiểm phải là bao nhiêu.

Quy trình báo cáo yêu cầu bồi thường phụ thuộc vào loại sản phẩm bảo hiểm và thường được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Đối với các sản phẩm bảo hiểm theo chỉ số, khi thông số quan sát giảm xuống dưới hoặc cao hơn giá trị ngưỡng, thanh toán bồi thường sẽ tự động được kích hoạt. Trong khi đối với các sản phẩm bảo hiểm bồi thường, các yêu cầu bồi thường được báo cáo theo cách thủ công và dựa trên cơ chế được xác định trước trong hợp đồng bảo hiểm.

Đối với bảo hiểm lúa gạo đã được phê duyệt hiện nay, khi sự kiện được bảo hiểm xảy ra, bên mua bảo hiểm phải thông báo cho công ty bảo hiểm và các cơ quan có thẩm quyền trong vòng 24 giờ, chuẩn bị và gửi cho công ty bảo hiểm đơn yêu cầu bồi thường đã điền đầy đủ thông tin,

đơn bảo hiểm và các tài liệu khác theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm. Trong khi doanh nghiệp bảo hiểm phải phối hợp với các cơ quan liên quan để đánh giá tổn thất, thu thập thông báo về thiên tai, dịch bệnh lấy bản kê khai năng suất thực tế của NIAPP và nhận các tài liệu khác liên quan đến việc giải quyết bồi thường. Sau đó, công ty bảo hiểm sẽ tiến hành thanh toán các khoản bồi thường đã xác định cho bên mua bảo hiểm. Trong trường hợp bên mua là đại diện của nông dân, thì bên mua bảo hiểm có trách nhiệm thanh toán tiền bồi thường cho từng nông dân được bảo hiểm đối với diện tích lúa được bảo hiểm của họ.

Đối với bảo hiểm vật nuôi (trâu, bò) đã được phê duyệt, khi xảy ra sự kiện được bảo hiểm, bên mua bảo hiểm phải thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm trong thời hạn 24 giờ, thực hiện đúng hướng dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm khi có yêu cầu, thông báo cho cơ quan, đơn vị có liên quan về nguyên nhân tử vong của vật nuôi và yêu cầu công ty giám định xác nhận bằng văn bản. Trong vòng 3 tháng kể từ khi xảy ra sự kiện được bảo hiểm, bên mua bảo hiểm phải gửi cho công ty bảo hiểm tài liệu yêu cầu bồi thường, trong đó bao gồm đơn yêu cầu bồi thường, đơn bảo hiểm, thẻ tai gốc (trừ trường hợp vật nuôi mất tích do sự kiện được bảo hiểm), giấy chứng nhận tiêm chủng mới nhất và các tài liệu liên quan khác. Doanh nghiệp bảo hiểm phải thu thập văn bản chứng minh có sự can thiệp của thiên tai, dịch bệnh do cơ quan có thẩm quyền cấp, biên bản tổn thất do công ty giám định và biên bản xác nhận tử vong, trong đó có ít nhất 1 ảnh chân dung có đeo thẻ tai và 1 ảnh thân vật nuôi (trừ trường hợp vật nuôi mất tích) và có xác nhận của người được bảo hiểm, các cơ quan có liên quan và các công ty giám định do doanh nghiệp bảo hiểm thuê. Trước khi tiến hành bồi thường, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ áp dụng mức khấu trừ 30% đối với thiên tai hoặc 40% đối với bệnh tật được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm có thể áp dụng tỷ lệ giảm trừ bổ sung lên đến 20% nếu người được bảo hiểm không thực hiện đầy đủ các quy trình quy định về chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh hoặc theo hướng dẫn thông báo tổn thất. Theo quy định, công ty bảo hiểm phải bồi thường trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được tất cả các tài liệu yêu cầu bồi thường hợp lệ.

Đối với bảo hiểm nuôi trồng thủy sản đã được phê duyệt hiện nay, bên mua bảo hiểm phải thông báo cho công ty bảo hiểm trong vòng 24 giờ kể từ khi sự kiện xảy ra, và trong vòng một tháng kể từ khi sự kiện xảy ra phải nộp cho công ty bảo hiểm bản sao hợp đồng bảo hiểm và đơn yêu cầu bồi thường đã được điền và ký tên. Doanh nghiệp bảo hiểm phải thu thập văn bản khai báo thiên tai của cơ quan có thẩm quyền, biên bản giám định tổn thất do doanh nghiệp giám định đã được doanh nghiệp bảo hiểm phê duyệt và các tài liệu khác liên quan đến yêu cầu bồi thường. Sau đó doanh nghiệp bảo hiểm sẽ tính toán mức bồi thường và áp dụng mức khấu trừ đối với trường hợp thiên tai là 30%. Doanh nghiệp bảo hiểm có thể áp dụng tỷ lệ giảm trừ bổ sung lên đến 20% nếu người được bảo hiểm không tuân thủ đầy đủ các quy trình nuôi tôm do cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc các thủ tục thông báo tổn thất. Theo quy định, công ty

bảo hiểm phải bồi thường trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được tất cả các tài liệu yêu cầu bồi thường hợp lệ.

j. Xác minh và thanh toán bồi thường

Để xác minh các yêu cầu bồi thường sau khi người được bảo hiểm báo cáo về việc xảy ra sự kiện được bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan để đánh giá tổn thất, thu thập thông báo về thiên tai, dịch bệnh, lấy bản kê khai năng suất thực tế của NIAPP (đối với lúa) và nhận các thông tin khác liên quan đến việc giải quyết bồi thường.

Sau đó, công ty bảo hiểm sẽ tiến hành thanh toán khoản bồi thường đã xác định trực tiếp cho bên mua bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm chuyển khoản tiền này cho từng người được bảo hiểm đối với diện tích lúa được bảo hiểm của họ nếu bên mua là đại diện của nông dân. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nông dân có thể KHÔNG được bồi thường. Điều này có thể xảy ra nếu yêu cầu bảo hiểm thấp hơn số tiền được khấu trừ hoặc giảm trừ. Do đó, ngay cả khi các yêu cầu bồi thường đã được xác minh, có thể có một số trường hợp KHÔNG được thanh toán các khoản bồi thường.

k. Một số tình huống không được thanh toán bồi thường

Trong trường hợp không phát sinh bồi thường trong thời gian bảo hiểm, phí bảo hiểm sẽ được công ty bảo hiểm giữ lại. Điều này cho phép công ty bảo hiểm xây dựng dự trữ tài chính của mình (tiền dành riêng cho việc thanh toán các yêu cầu bồi thường) để có thể chi trả cho các yêu cầu bồi thường trong tương lai hoặc cho khu vực khác có phát sinh bồi thường. Ngoài ra, cho dù có yêu cầu bồi thường hay không, công ty bảo hiểm vẫn phải chịu các chi phí quản lý khác (chi phí liên quan đến hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp như tiền thuê nhà, tiện ích, bán hàng và tiếp thị, và chi phí quản lý) trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của mình. Tuy nhiên, phí bảo hiểm đôi khi có thể được hoàn trả cho bên được bảo hiểm trong một số trường hợp đặc biệt như chấm dứt bảo hiểm trước thời hạn, thương lượng giữa các bên, hoặc có phán quyết của tòa án, v.v.

7. Các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp hiện có

Sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp là loại sản phẩm bảo hiểm cho tài sản nông nghiệp (ví dụ cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản), theo đó công ty bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho bên được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Ở Việt Nam hiện nay đã có một số sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp cho lúa gạo, vật nuôi và thủy sản đã được Bộ Tài chính phê duyệt và triển khai tại một số tỉnh. Các sản phẩm này được mô tả thêm trong phần này.

a. Bảo hiểm cây trồng

Bảo hiểm cây trồng là một thỏa thuận giữa nông dân và công ty bảo hiểm, trong trường hợp xảy ra tổn thất cây trồng được xác định trước hoặc các sự kiện xấu gây thiệt hại cho cây trồng. Công ty bảo hiểm đồng ý bồi thường nhất định cho những nông dân được bảo hiểm bị thiệt hại về cây trồng được bảo hiểm. Các sự kiện cụ thể có thể dẫn đến bồi thường cho nông dân được xác định trong hợp đồng bảo hiểm trước khi bắt đầu tham gia bảo hiểm. Bảo hiểm cây trồng phải được mua thông qua thanh toán một khoản chi phí, là phí bảo hiểm. Trong trường hợp mất mùa hoặc xảy ra biến cố xấu do rủi ro được bảo hiểm (thiên tai, dịch bệnh/sâu bệnh), công ty bảo hiểm đồng ý chi trả một số tiền nhất định tùy theo mức độ tổn thất.

Nghị định 58/2018 khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm phát triển các sản phẩm bảo hiểm đối với lúa gạo, cao su, hồ tiêu, điều, cà phê, cây ăn quả, rau quả và không giới hạn phạm vi bảo hiểm. Tuy nhiên, do một số hạn chế, Quyết định 22/2019 và Quyết định 03/2021 hiện chỉ hỗ trợ và ưu đãi bảo hiểm lúa gạo áp dụng cho 7 tỉnh gồm Thái Bình, Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Thuận, An Giang, Đồng Tháp. Trên cơ sở đó, bảo hiểm cây lúa hiện nay đang là sản phẩm duy nhất được các công ty bảo hiểm đưa ra dựa trên quyết định này.

Lúa hiện được bảo hiểm cho các vụ khác nhau (Đông Xuân, Hè Thu, Thu Đông) trong vòng 1 năm và có giá trị cho tất cả các giai đoạn canh tác lúa trong thời gian được bảo hiểm, bao gồm cả gieo sạ và cấy. Phạm vi bảo hiểm bắt đầu từ khi lúa được cấy, gieo và kết thúc sau ngày thu hoạch. Nếu chính sách hỗ trợ hết hạn trước mùa thu hoạch thì bảo hiểm sẽ được tự động gia hạn đến ngày thu hoạch của mùa lúa đó.

Bảo hiểm cây trồng hiện có sẵn cho cây lúa ở Việt Nam nhưng cũng có thể được phát triển cho các loại cây trồng khác nhau, chẳng hạn như rau, cà phê, cao su, v.v. Nông dân nên làm việc với cán bộ khuyến nông và nhân viên bảo hiểm để xác định loại cây trồng nào có thể được bảo hiểm tại địa phương của họ. Nông dân cũng nên cân nhắc xác định rõ họ có đủ điều kiện để được trợ cấp phí bảo hiểm hay không và mức độ trợ cấp phí bảo hiểm là bao nhiêu.

b. Bảo hiểm vật nuôi

Bảo hiểm vật nuôi là loại thỏa thuận giữa người chăn nuôi và công ty bảo hiểm, trong trường hợp xác định trước tổn thất vật nuôi hoặc sự kiện xấu gây thiệt hại cho vật nuôi. Công ty bảo hiểm đồng ý bồi thường nhất định cho những người được bảo hiểm, những người đã bị thiệt hại về vật nuôi được bảo hiểm. Các sự kiện cụ thể có thể dẫn đến bồi thường cho nông dân được xác định trong hợp đồng bảo hiểm trước khi bắt đầu tham gia bảo hiểm.

Bảo hiểm vật nuôi được thiết kế cho ngành chăn nuôi, ở Việt Nam hiện đang có bảo hiểm vật

nuôi cho trâu, bò lấy sữa, làm giống và lấy thịt nhưng loại bảo hiểm này cũng có thể phát triển cho nhiều loại vật nuôi khác như lợn, gà, v.v.

Bảo hiểm vật nuôi phải được mua thông qua việc thanh toán một khoản phí, là phí bảo hiểm. Trong trường hợp vật nuôi bị thiệt hại hoặc xảy ra biến cố xấu do rủi ro được bảo hiểm (ví dụ như thiên tai, dịch bệnh), công ty bảo hiểm đồng ý chi trả một số tiền nhất định, điều này phụ thuộc vào giá trị vật nuôi, mức độ rủi ro được bảo hiểm và mức độ tổn thất.

Nghị định số 58/2018 khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm phát triển các sản phẩm bảo hiểm trâu, bò, lợn, gia cầm ... Tuy nhiên, Quyết định số 22/2019 và Quyết định số 03/2021 hiện chỉ hỗ trợ phí bảo hiểm và ưu đãi đối với bảo hiểm trâu, bò áp dụng cho 8 tỉnh gồm Hà Giang, Vinh, Phúc, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Đồng Nai, Bình Dương. Trên cơ sở đó, trâu, bò lấy sữa, chăn nuôi, lấy thịt là loại vật nuôi đang được cung cấp sản phẩm bảo hiểm trên thị trường.

Vật nuôi được bảo hiểm được xác định thông qua một số tiêu chí, bao gồm có đeo thẻ tai, đang ở trạng thái khỏe mạnh, không có bệnh tật hoặc tổn thương. Nông dân nên tham khảo ý kiến của các cán bộ khuyến nông và cán bộ công ty bảo hiểm về việc vật nuôi có thể được bảo hiểm ở địa phương của họ. Nông dân cũng nên xác định rõ họ có đủ điều kiện để được trợ cấp phí bảo hiểm hay không và mức độ trợ cấp phí bảo hiểm là bao nhiêu.

Hợp đồng bảo hiểm thường được ký kết lên đến một năm và chỉ những sự kiện xảy ra trong thời gian bảo hiểm mới được bảo hiểm. Thời gian chờ đợi sẽ được áp dụng cho từng đối tượng được bảo hiểm mới tham gia lần đầu. Đối với rủi ro dịch bệnh thì thời gian chờ đợi thông thường là 10 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, 10 ngày kể từ khi vật nuôi nhập đàn hoặc 30 ngày sau khi vật nuôi được chuyển đến từ một tỉnh khác. Khoảng thời gian chờ không áp dụng thời gian chờ đợi đối với đối tượng được doanh nghiệp bảo hiểm bảo hiểm trong tháng liền kề trước đó.

Đối với vật nuôi được bảo hiểm, tại thời điểm hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, vật nuôi phải trong tình trạng sức khỏe tốt, không bị thương tật, ốm đau, bệnh tật, dị tật và được tiêm chủng đầy đủ theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

Vật nuôi phải trong các độ tuổi sau:

- Đối với trâu, bò lấy thịt: từ 6 tháng tuổi đến 6 năm tuổi
- Đối với bò sữa và bò giống: từ 6 tháng tuổi đến 8 tuổi

c. Bảo hiểm nuôi trồng thủy sản

Bảo hiểm nuôi trồng thủy sản là thỏa thuận giữa người nuôi và công ty bảo hiểm, trong trường hợp xảy ra tổn thất nuôi trồng thủy sản được xác định trước hoặc các sự kiện xấu gây thiệt hại cho việc nuôi trồng thủy sản. Công ty bảo hiểm đồng ý bồi thường nhất định cho những người được bảo hiểm, những người bị thiệt hại trong quá trình nuôi trồng thủy sản. Các sự kiện cụ thể có thể dẫn đến bồi thường cho nông dân được xác định trong hợp đồng bảo hiểm trước khi bắt đầu tham gia bảo hiểm.

Bảo hiểm nuôi trồng thủy sản được thiết kế cho ngành thủy sản, ở Việt Nam hiện đang có bảo hiểm nuôi trồng thủy sản cho tôm thẻ chân trắng và tôm sú, nhưng loại bảo hiểm này cũng có thể được phát triển cho các loại thủy sản chính khác như cá da trơn, các thủy sản khác trong tương lai.

Nghị định số 58/2018 khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm phát triển các sản phẩm bảo hiểm tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, v.v. Tuy nhiên, Quyết định số 22/2019 và Quyết định số 03/2021 hiện chỉ hỗ trợ phí bảo hiểm và ưu đãi cho bảo hiểm tôm sú, tôm thẻ chân trắng cho 5 tỉnh trong đó có Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Vì vậy, tôm sú và tôm thẻ chân trắng hiện đang là đối tượng được cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hiện nay trên thị trường.

Thời gian bảo hiểm có hiệu lực từ ngày nuôi đầu tiên - thả tôm giống - cho đến (a) ngày thứ 120 đối với tôm sú hoặc (b) ngày thứ 80 đối với tôm thẻ chân trắng.

Nông dân nên tham khảo ý kiến của các cán bộ khuyến nông và cán bộ bảo hiểm về đối tượng có thể được bảo hiểm ở địa phương của họ. Nông dân cũng nên xác định rõ họ có đủ điều kiện để được trợ cấp phí bảo hiểm hay không và mức độ trợ cấp phí bảo hiểm là bao nhiêu.

CHƯƠNG 4: KHUÔN KHỔ CHÍNH SÁCH VÀ THỂ CHẾ CỦA BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

1. Những quy định có liên quan về Bảo hiểm Nông nghiệp

Hiện nay, việc kinh doanh bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam chủ yếu được quy định trong 3 văn bản gồm: Luật Kinh doanh Bảo hiểm ban hành năm 2000; Luật Sửa đổi và bổ sung một số Điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ban hành năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ ban hành năm 2019; và Nghị định số 58/2018/NĐ-CP về Bảo hiểm nông nghiệp ban hành ngày 18 tháng 4 năm 2018.

Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sửa đổi và Bổ sung một số Điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm là những văn bản pháp lý tối cao qui định về kinh doanh bảo hiểm nói chung. Các Luật này quản lý các tổ chức và cá nhân tham gia bảo hiểm, ngoại trừ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tiền gửi và những loại bảo hiểm khác do nhà nước phụ trách và không mang tính kinh doanh.

Nghị định số 58/2018/NĐ-CP là văn bản điều chỉnh các hoạt động bảo hiểm nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp nhằm khuyến khích các công ty bảo hiểm triển khai bảo hiểm nông nghiệp và tạo điều kiện cho các tổ chức sản xuất và cá nhân trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp chủ động vượt qua cũng như bù đắp những tổn thất tài chính khi xảy ra rủi ro trong quá trình sản xuất. Nghị định gồm 5 Chương, 40 Điều, trong đó, Chương I đưa ra các khái niệm thống nhất và các nguyên tắc chung về việc thực hiện và các chính sách hỗ trợ; Chương II bao gồm các điều khoản về việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp và kiểm soát rủi ro, phòng ngừa và hạn chế tổn thất, cũng như phòng ngừa gian lận trong bảo hiểm; Chương III đưa ra các chính sách hỗ trợ đối với bảo hiểm nông nghiệp; Chương IV quy định trách nhiệm của các Bộ/ngành, chính quyền địa phương, các tổ chức có liên quan, và các công ty bảo hiểm; Chương V quy định các điều khoản thực hiện bao gồm ngày Nghị định có hiệu lực từ 5 tháng 6 năm 2021, giai đoạn thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và trách nhiệm của các tổ chức/cá nhân với việc thực thi Nghị định.

2. Các chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp

Nghị định số 58/2018/NĐ-CP dành một chương (gồm 17 điều) quy định về các chính sách hỗ trợ, trong đó có nội dung về các sản phẩm bảo hiểm, đối tượng hưởng lợi, mức phí bảo hiểm, những rủi ro được bảo hiểm, nguồn tài chính, trình tự và thủ tục xác định và thực hiện trợ cấp phí bảo hiểm, v.v. Nhìn chung, các chính sách hỗ trợ được đưa ra Nghị định bao phủ khá rộng những sản phẩm được hỗ trợ (với ngành trồng trọt gồm: lúa gạo, cao su, tiêu, điều, cà phê, cây ăn quả, rau màu; Ngành chăn nuôi gồm: trâu, bò, lợn, gia cầm; Ngành thủy sản gồm: tôm sú,

tôm thẻ chân trắng, cá tra), rủi ro được bảo hiểm, và khu vực được trợ cấp. Tuy nhiên, Điều 22 quy định “tùy theo khả năng cân đối kinh phí trong từng giai đoạn, Thủ tướng Chính phủ sẽ ra quyết định cụ thể về những đối tượng tổ chức và cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ; loại cây trồng, vật nuôi và thủy sản được hỗ trợ; loại rủi ro bảo hiểm được hỗ trợ; mức hỗ trợ; thời hạn khu vực được hỗ trợ; mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp”.

Trên cơ sở đó, Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg về việc thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp đã được ban hành, trong đó cụ thể hóa những đối tượng và rủi ro được bảo hiểm, mức trợ cấp, địa phương được hỗ trợ và thời gian thực hiện hỗ trợ trong giai đoạn hiện nay. Cụ thể là:

Đối với cây trồng, chỉ áp dụng trợ cấp cho lúa gạo ở 7 tỉnh

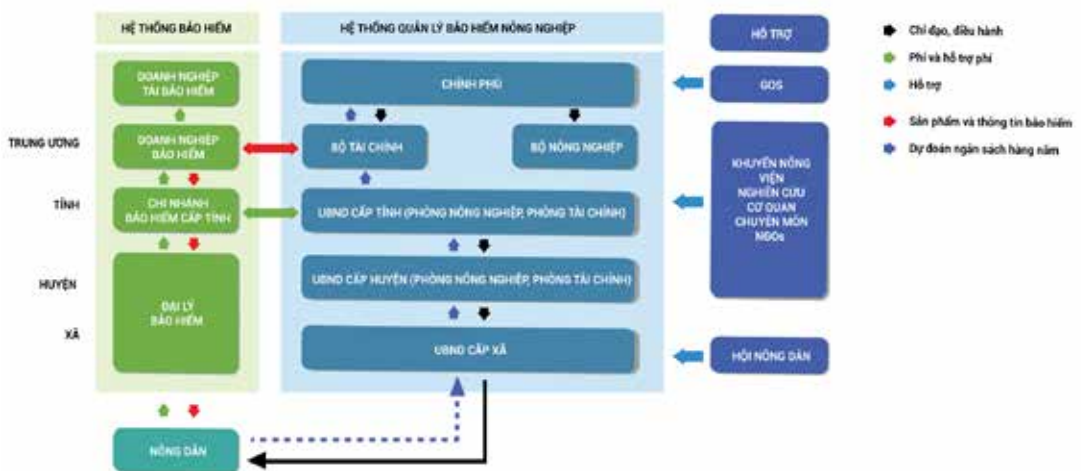
Đối với chăn nuôi, áp dụng với trâu và bò tại 8 tỉnh

Đối với thủy sản, áp dụng với tôm sú và tôm thẻ chân trắng tại 5 tỉnh

Tuy nhiên, quyết định này nêu cụ thể giai đoạn thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp là đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, ngày 25 tháng 1 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 03/2021/QĐ-TTg về sửa đổi và bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg để gia hạn giai đoạn thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3. Những bên liên quan chính trong bảo hiểm nông nghiệp

Hệ thống tổ chức thực hiện bảo hiểm nông nghiệp được trình bày trong sơ đồ dưới đây



Có hai kênh chính nông dân có thể tiếp cận thông tin về bảo hiểm nông nghiệp: thứ nhất, về sản phẩm bảo hiểm, nông dân nên liên hệ trực tiếp với công ty bảo hiểm và các đại lý bảo hiểm trong vùng; thứ hai, về chính sách hỗ trợ, nông dân nên liên hệ trực tiếp với chính quyền địa phương nơi mình sinh sống. Ngoài ra, nông dân có thể liên hệ với các tổ chức hỗ trợ như Hội Nông dân, Cán bộ khuyến nông, v.v để tìm hiểu các thông tin liên quan đến bảo hiểm nông nghiệp tại địa phương.

4. Trợ cấp phí bảo hiểm

Hỗ trợ phí bảo hiểm được thực hiện thông qua doanh nghiệp bảo hiểm theo trình tự và thủ tục, sau khi gia hợp đồng bảo hiểm được ký kết và phát sinh trách nhiệm bảo hiểm theo hợp đồng. Theo đó, Điều 26 của Nghị định 58/2018/NĐ-CP quy định:

a. Doanh nghiệp bảo hiểm cần chuẩn bị hồ sơ yêu cầu hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp được nhà nước hỗ trợ từ ngân sách, hồ sơ gồm những tài liệu sau:

- i) Đơn xin hoàn phí bảo hiểm được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
- ii) Danh sách (kèm bản sao) những hợp đồng bảo hiểm mà công ty bảo hiểm đã ký với các tổ chức và cá nhân sản xuất nông nghiệp.

b. Trình tự và thủ tục hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- i) Trong vòng 10 ngày tính từ cuối tháng, công ty bảo hiểm phải nộp hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp từ ngân sách nước.
- ii) Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận bộ hồ sơ hoàn thiện và hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ chịu trách nhiệm và phối hợp với Sở Tài chính để hoàn tất việc thẩm định, sau đó, trình UBND tỉnh để ban hành quyết định hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Trong trường hợp từ chối chi trả, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- iii) Trong vòng 10 ngày từ khi UBND tỉnh ban hành quyết định về việc chi trả, Sở tài chính sẽ căn cứ quyết định chi trả trợ cấp của UBND tỉnh để thực hiện chi trả cho doanh nghiệp bảo hiểm qua kho bạc của tỉnh; Kho bạc tỉnh sẽ chuyển tiền cho công ty bảo hiểm qua tài khoản mở tại ngân hàng thương mại.

iv) Trong trường hợp chi trả cho công ty bảo hiểm không được hoàn tất, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính thông báo cho công ty bảo hiểm bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Điều kiện để các công ty bảo hiểm cung cấp bảo hiểm nông nghiệp

Theo Điều 30, Nghị định 58/2018/NĐ-CP về điều kiện doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp phải đáp ứng đủ yêu cầu sau:

a. Được quyền triển khai giao dịch bảo hiểm nông nghiệp theo giấy phép thành lập và giấy phép hoạt động, đáp ứng yêu cầu vốn và khả năng thanh toán theo quy định, có các quy trình của doanh nghiệp bảo hiểm về việc khai thác, đánh giá và bồi thường cho bảo hiểm nông nghiệp, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo luật định; có chương trình tái bảo hiểm nông nghiệp để đảm bảo tính an toàn, hiệu quả và tuân thủ luật.

b. Người đứng đầu công ty bảo hiểm hoặc công ty bảo hiểm được phân công làm đầu mối chủ trì thực hiện hợp đồng bảo hiểm có trụ sở hoặc chi nhánh đặt tại tỉnh là nơi chính sách hỗ trợ bảo hiểm được thực hiện.

6. Vai trò của chính quyền địa phương

Theo Điều 37, Nghị định 58/2018/NĐ-CP, UBND tỉnh có trách nhiệm thực hiện những hoạt động sau:

- a. Tổ chức tuyên truyền và huy động các tổ chức và cá nhân sản xuất nông nghiệp áp dụng bảo hiểm nông nghiệp theo quy định.
- b. Tổ chức thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp theo quy định. Chỉ đạo các ban, ngành và địa phương trong địa bàn phối hợp thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp theo quy định.
- c. Tổ chức thực hiện phê duyệt cho các đối tượng hưởng lợi.
- d. Căn cứ theo dự toán ngân sách đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ ngân sách địa phương cho hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và cấp kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp.
- e. Chỉ đạo các cơ quan chức năng liên quan để tổ chức thực hiện kiểm soát rủi ro, phòng ngừa và hạn chế tổn thất, và ngăn ngừa gian lận bảo hiểm.
- f. Thực hiện báo cáo hàng quy và hàng năm.

7. Các phương diện hoạt động chính theo quy định

a. Ai có thể bảo hiểm? Ai đủ điều kiện được bảo hiểm?

Theo quy định của chính phủ, bên bảo hiểm phải là công ty bảo hiểm phi nhân thọ được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Kinh doanh bảo hiểm và những luật định và điều kiện có liên quan khác mà nhà nước quy định.

Có ba điều kiện chính cần thỏa mãn với bảo hiểm theo chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm của nhà nước:

Thứ nhất, các đối tượng hưởng lợi của chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp là những cá nhân hoặc tổ chức nông nghiệp. Tùy nhóm mục tiêu (tổ chức, hộ nghèo, hộ thông thường), mức trợ cấp phí bảo hiểm của nhà nước sẽ khác nhau (từ 20% đến 90% phí bảo hiểm).

Thứ hai, tổ chức, cá nhân được bảo hiểm phải sản xuất sản phẩm nông nghiệp trong danh mục được hỗ trợ, tương ứng với những rủi ro đã được nêu cụ thể. Theo đó, Quyết định 22 quy định về sản phẩm được trợ cấp trong giai đoạn 2019 – 2021 gồm gạo, trâu và bò, tôm.

Thứ ba, những khu vực sản xuất được bảo hiểm phải nằm trong những vùng cụ thể theo các văn bản pháp lý được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trong trường hợp này, Quyết định 22 của Chính phủ nêu rõ các tỉnh được nhận hỗ trợ chính sách, tuy nhiên UBND tỉnh sẽ ban hành quyết định chi tiết những địa phương (huyện, xã) sẽ áp dụng chính sách này tại tỉnh.

Ngoài những điều kiện mà nhà nước đặt ra, bên được bảo hiểm cũng cần đáp ứng những điều kiện cụ thể của công ty bảo hiểm đối với các sản phẩm bảo hiểm đã thiết kế.

Quy định về người sản xuất, sản phẩm, địa phương và mức hỗ trợ có thể thay đổi theo thời gian, tùy theo nhu cầu thực tế và sự phát triển của các sản phẩm bảo hiểm trong tương lai, thường được Nhà nước cập nhật hàng năm.

b. Có những loại hợp đồng nào trong bảo hiểm nông nghiệp?

Có hai loại hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp: hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng ủy quyền.

Hợp đồng bảo hiểm là một thỏa thuận bằng văn bản giữa công ty bảo hiểm và bên được bảo hiểm, ở đó, bên được bảo hiểm có trách nhiệm trả phí bảo hiểm và công ty bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho bên được bảo hiểm trong trường hợp xảy ra tổn thất do những rủi ro được bảo hiểm gây nên. Hợp đồng bảo hiểm quy định rõ những điều khoản và điều kiện bảo

hiểm, nêu cụ thể những rủi ro được bảo hiểm, mức phí và mức yêu cầu bồi thường, thời hạn bảo hiểm, những rủi ro không được bảo hiểm, và các điều khoản khác mà hai bên cùng thống nhất.

Bộ hợp đồng bảo hiểm bao gồm chính sách bảo hiểm được các bên liên quan ký, mẫu đơn yêu cầu bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm, mã số bảo hiểm lúa gạo/vật nuôi/thủy sản, các phụ lục và những tài liệu khác có liên quan.

Hợp đồng ủy quyền là một thỏa thuận bằng văn bản giữa cá nhân nông dân và đại diện pháp lý mà nông dân mua sản phẩm bảo hiểm thông qua họ. Đây có thể là một tổ chức đại diện (chẳng hạn như một công ty kinh doanh nông nghiệp, thể chế tài chính hoặc hợp tác xã) hay một cá nhân (ví dụ: người đứng đầu cộng đồng hoặc đại diện tổ chức nông dân). Đại diện pháp lý có thể là người ký hợp đồng bảo hiểm cho đối tượng được bảo hiểm, trong trường hợp này, họ sẽ thay mặt nông dân nộp phí bảo hiểm và nhận chi trả bảo hiểm.

c. Trách nhiệm của các bên liên quan trong hợp đồng bảo hiểm?

Theo Nghị định 58, bên được bảo hiểm có những trách nhiệm sau:

- i. Nộp phí bảo hiểm đúng hạn;
- ii. Công bố trung thực những thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm;
- iii. Hiểu rõ những điều khoản và điều kiện của hợp đồng bảo hiểm;
- iv. Tuân thủ những quy trình thực hành canh tác tốt nhất cho đối tượng được bảo hiểm (lúa gạo, vật nuôi, tôm) theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và các đơn vị chức năng tại địa phương, chẳng hạn như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- v. Thông báo cho bên đại diện ký hợp đồng bảo hiểm và/hoặc công ty bảo hiểm về việc xảy ra sự kiện được bảo hiểm như ghi trong các điều khoản hợp đồng/ thỏa thuận càng sớm càng tốt;
- vi. Trong mọi trường hợp, cần chủ động thực hiện tất cả những biện pháp phù hợp để ngăn chặn và hạn chế tổn thất theo như hướng dẫn của công ty bảo hiểm (nếu có);
- vii. Và những nghĩa vụ khác như quy định của pháp luật.

Bên đại diện ký hợp đồng bảo hiểm có những trách nhiệm sau:

- i. Công bố trung thực những thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm;
- ii. Ký hợp đồng bảo hiểm với công ty bảo hiểm và giao lại chứng nhận bảo hiểm

cho từng nông dân sau khi thu đủ phí bảo hiểm, và nộp phí bảo hiểm cho công ty bảo hiểm đúng thời hạn;

- iii. Thông báo cho công ty bảo hiểm và những cơ quan khác có liên quan về yêu cầu bảo hiểm trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo từ bên được bảo hiểm;
- iv. Giải thích rõ về quy trình bồi thường cho bên được bảo hiểm, và liên hệ với công ty bảo hiểm về việc chi trả bồi thường cho bên được bảo hiểm. Bên đại diện ký hợp đồng bảo hiểm là người có trách nhiệm pháp lý để toàn quyền yêu cầu chi trả bảo hiểm cho bên được bảo hiểm;
- v. Những nghĩa vụ khác như quy định của pháp luật.

Công ty bảo hiểm có trách nhiệm sau:

- i. Thu phí bảo hiểm như đã thống nhất trong hợp đồng bảo hiểm;
- ii. Cấp chứng nhận bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm và chính sách bảo hiểm cho bên ký hợp đồng bảo hiểm ngay sau khi ký hợp đồng bảo hiểm;
- iii. Sau khi nhận được thông báo về tổn thất, công ty bảo hiểm có trách nhiệm điều phối với các cơ quan liên quan để quyết định mức tổn thất, mức sụt giảm năng suất và xác định các biện pháp hạn chế tổn thất;
- iv. Thu thập tất cả thông tin cần thiết từ bên được bảo hiểm và/hoặc bên ký hợp đồng bảo hiểm, các cơ quan hữu quan (ví dụ như thu thập thông tin về việc xuất hiện thiên tai và bệnh dịch, thu thập và công khai thông tin về năng suất (lúa gạo) thực tế từ cơ quan cung cấp dữ liệu);
- v. Chi trả bồi thường cho nông dân được bảo hiểm thông qua bên ký hợp đồng bảo hiểm hoặc cung cấp văn bản giải thích về việc từ chối trả bồi thường;
- vi. Những nghĩa vụ khác như quy định của pháp luật.

d. Sự liên quan với thực hành nông nghiệp tốt

Thực hành nông nghiệp tốt trong phạm vi tài liệu này được hiểu là áp dụng đúng và đầy đủ quy trình kỹ thuật và biện pháp hạn chế thiệt hại khi gặp rủi ro thiên tai, dịch bệnh/sâu bệnh được khuyến nghị từ cơ quan có thẩm quyền. Đây là điều rất quan trọng với nông dân để kiểm soát và ngăn ngừa rủi ro trong khả năng có thể ngay cả khi họ có bảo hiểm nông nghiệp, do hợp đồng bảo hiểm sẽ không bao gồm những tổn thất xảy ra do không thực hiện hoặc thực hiện qua quýt những thực hành nông nghiệp tốt.

Thực hành nông nghiệp tốt là điều kiện tiên quyết để nông dân được tham gia bảo hiểm, và cũng là một điều khoản nông dân cam kết với bên bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. Theo hướng dẫn của nhà nước, nếu không tuân thủ thực hành nông nghiệp tốt thì thỏa thuận bảo hiểm có thể bị công ty bảo hiểm hủy hoặc khoản bồi thường sẽ bị giảm trừ (ví dụ đến 20%) khi nông dân không tuân thủ thực hành nông nghiệp tốt và các biện pháp bảo vệ.

Thực hành nông nghiệp tốt, kiểm soát rủi ro và các cơ chế phòng ngừa cũng là những nhân tố có tác động trực tiếp đến năng suất nông nghiệp, giúp cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả và bền vững hơn. Vào cuối mùa vụ, nông dân cần thu hoạch được nhiều để duy trì canh tác, đáp ứng nhu cầu của chính mình và cung cấp thực phẩm cho cả nước. Bảo hiểm nông nghiệp chỉ có thể trả bồi thường cho nông dân trong trường hợp xảy ra tổn thất mà những nguy cơ được bảo hiểm gây nên.

e. Quy trình và điều kiện để báo cáo yêu cầu bồi thường

Quy trình bồi thường bảo hiểm phụ thuộc vào loại sản phẩm bảo hiểm, và điều kiện báo cáo về việc xảy ra những sự kiện được bảo hiểm. Những nội dung này thường được nêu rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Quy trình báo cáo bồi thường đã được trình bày trong Chương 3, mục 6 của tài liệu này.

Về những thủ tục cơ bản cần có để yêu cầu bồi thường, để yêu cầu bồi thường với lúa gạo và thủy sản khi xảy ra sự kiện được bảo hiểm, bên ký hợp đồng bảo hiểm phải nộp những giấy tờ sau cho công ty bảo hiểm trong thời hạn đã nêu cụ thể trong hợp đồng bảo hiểm:

- i. Đơn yêu cầu bồi thường
- ii. Chính sách bảo hiểm và những giấy tờ khác đã nêu trong hợp đồng bảo hiểm

Đối với bảo hiểm vật nuôi, bên ký hợp đồng bảo hiểm cũng cần cung cấp những nội dung sau cho công ty bảo hiểm:

- i. Thẻ tai gốc (trừ khi bị mất do xảy ra sự kiện được bảo hiểm)
- ii. Chứng nhận tiêm phòng gần nhất.

Về vai trò của cơ quan có thẩm quyền/công ty bảo hiểm trong việc xác nhận yêu cầu bồi thường, những cơ quan hữu quan và công ty bảo hiểm phải nhận đủ những giấy tờ mà bên ký hợp đồng bảo hiểm cung cấp khi nộp yêu cầu bồi thường, yêu cầu bổ sung thông tin nếu cần, triển khai đánh giá tổn thất và xác thực yêu cầu bồi thường.

Đối với bảo hiểm lúa gạo, công ty bảo hiểm phải điều phối với các đơn vị liên quan (ví dụ như công ty thẩm định) để đánh giá tổn thất, thu thập tuyên bố thiên tai và dịch bệnh từ những cơ

quan hữu quan, lấy công bố về năng suất thực tế của NIAPP, và tiếp nhận những giấy tờ khác liên quan đến việc giải quyết yêu cầu bồi thường. Công ty bảo hiểm sau đó sẽ xử lý để trực tiếp chi trả số tiền bồi thường được xác định cho bên ký hợp đồng bảo hiểm, nếu chủ hợp đồng là đại diện của nông dân, họ sẽ chịu trách nhiệm chuyển tiền bồi thường đến cho từng nông dân được bảo hiểm.

Đối với bảo hiểm vật nuôi, công ty bảo hiểm phải thu thập chứng cứ bằng văn bản về thiên tai hoặc dịch bệnh mà cơ quan có thẩm quyền ban hành, biên bản về tổn thất do công ty thẩm định cung cấp, và biên bản xác nhận vật nuôi bị chết trong đó có ít nhất một ảnh chụp thẻ tai và 1 ảnh chụp xác động vật bị chết (nếu không bị thất lạc), và được xác nhận bởi bên được bảo hiểm, cơ quan hữu quan và công ty thẩm định mà công ty bảo hiểm chỉ định. Trước khi xử lý chi trả bồi thường, công ty bảo hiểm có thể sẽ áp dụng khấu trừ 30% đối với thiên tai và 40% đối với dịch bệnh. Và có thể áp dụng khấu trừ thêm 20% nếu bên được bảo hiểm không tuân thủ đủ những quy trình đã liệt kê đối với chăn nuôi và phòng chống dịch bệnh hay hướng dẫn thông báo về tổn thất. Trong chuẩn chính sách, công ty bảo hiểm phải thực hiện bồi thường trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được đủ giấy tờ hợp lệ.

Đối với bảo hiểm thủy sản, công ty bảo hiểm phải thu thập tuyên bố bằng văn bản về thiên tai do cơ quan có thẩm quyền ban hành, biên bản đánh giá tổn thất của công ty thẩm định đã được công ty công ty bảo hiểm chấp thuận, và những giấy tờ khác liên quan đến yêu cầu bồi thường. Công ty bảo hiểm sau đó sẽ tính toán mức bồi thường và có thể áp dụng khấu trừ 30% đối với thiên tai. Và có thể khấu trừ thêm 20% nếu bên được bảo hiểm không tuân thủ đủ quy trình nuôi tôm mà cơ quan thẩm quyền đã quy định hay không tuân thủ đủ quy trình thông báo tổn thất. Theo chuẩn chính sách, công ty bảo hiểm sẽ phải thực hiện bồi thường trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận đủ giấy tờ hợp lệ.

f. Cách tính yêu cầu bồi thường đối với sản phẩm bảo hiểm chỉ số

Ví dụ: yêu cầu bồi thường cho sản phẩm bảo hiểm chỉ số với lúa gạo được tính như sau:

Mức yêu cầu bồi thường = (Năng suất được bảo hiểm – năng suất thực tế) x diện tích canh tác được bảo hiểm x giá lúa.

Trong đó:

* Năng suất thực tế được ước tính theo dữ liệu phân tích hình ảnh vệ tinh hoặc công bố của cơ quan có thẩm quyền.

** Giá bán được nêu cụ thể trước khi ký hợp đồng bảo hiểm.

g. Giải đáp những câu hỏi của nông dân

Để trả lời những câu hỏi mà nông dân có thể đặt ra đối với bảo hiểm nông nghiệp, hợp đồng bảo hiểm, yêu cầu bồi thường, v.v., nông dân có thể hỏi đại diện chính quyền địa phương, cán bộ khuyến nông, hoặc gọi điện thoại đến đường dây nóng của công ty bảo hiểm để trao đổi với nhân viên của công ty bảo hiểm.

h. Giải quyết khiếu nại và tranh chấp

Tranh chấp và khiếu nại liên quan đến hợp đồng bảo hiểm có thể được giải quyết qua đàm phán giữa các bên có liên quan tới hợp đồng bảo hiểm. Nếu không thể đàm phán để giải quyết tranh chấp, bên thấy khúc mắc có thể kiện, và tranh chấp khi đó sẽ được tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Thời hạn để khởi kiện tranh chấp có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm là ba năm kể từ khi phát sinh tranh chấp.

CHƯƠNG 5: NHỮNG CÂU HỎI THƯỜNG GẶP TỪ NÔNG DÂN

1. Tại sao tôi nên mua bảo hiểm nông nghiệp?

Nông dân nên mua bảo hiểm cho cây trồng, vật nuôi của mình vì các lợi ích mang lại của bảo hiểm trong cả ngắn hạn và dài hạn là rất lớn trong bảo vệ tài sản, phát triển sản xuất kinh doanh và tăng cường khả năng ứng phó với các rủi ro trong sản xuất (trình bày trong Mục 1 – Chương 3). Ngoài ra, hiện nay Nhà nước đã ban hành chính sách hỗ trợ phí bảo hiểm khá cao cho hộ nông dân và các tổ chức sản xuất nông nghiệp tại nhiều tỉnh/thành phố, đặc biệt là các hộ nghèo và cận nghèo. Điều này tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nông dân có thể tiếp cận bảo hiểm với mức chi phí hợp lý.

2. Tôi sẽ được bồi thường cho bất cứ tổn thất nông nghiệp nào không?

Không phải nông dân cứ gặp tổn thất thì chắc chắn được đền bù nếu đã mua bảo hiểm. Công ty bảo hiểm sẽ chỉ trả bồi thường cho nông dân nếu tổn thất xảy ra do những rủi ro được bảo hiểm gây ra được xác định trong hợp đồng bảo hiểm.

Trong các sản phẩm bảo hiểm đã được phê duyệt bởi Bộ Tài chính đến nay bồi thường sẽ được trả cho những tổn thất do thiên tai và dịch bệnh cho sản phẩm lúa gạo và vật nuôi. Trong khi với bảo hiểm thủy sản, bồi thường sẽ được trả cho những tổn thất do thiên tai.

Nông dân sẽ KHÔNG được nhận bồi thường hàng năm hoặc hàng vụ. Ở những năm hoặc vụ mùa xảy ra sự kiện được bảo hiểm, nông dân sẽ được nhận bồi thường từ công ty bảo hiểm. Tuy nhiên, ở những năm khác, khi không xảy ra tổn thất canh tác nông nghiệp và sự kiện được bảo hiểm KHÔNG xảy ra, thì sẽ không có khoản bồi thường nào được trả.

3. Tại sao phí bảo hiểm của tôi lại phụ thuộc vào vị trí và các yếu tố khác?

Phí bảo hiểm có thể phụ thuộc theo vị trí của ruộng hay trang trại được bảo hiểm do mức độ rủi ro giữa các nơi là khác nhau về cả thiên tai, dịch bệnh/sâu bệnh. Phí bảo hiểm sẽ cao hơn với những khu vực có rủi ro cao hơn, và sẽ thấp hơn với những nơi ít rủi ro hơn. Ngoài ra, những yếu tố khác chẳng hạn như chi phí để công ty bảo hiểm cung cấp dịch vụ ở mỗi địa bàn và lịch sử yêu cầu bồi thường cũng sẽ ảnh hưởng đến mức phí bảo hiểm.

4. Tại sao việc trả phí bảo hiểm có ý nghĩa quan trọng?

Phí bảo hiểm cần được trả để công ty bảo hiểm cam kết chi trả những khoản bồi thường cụ thể nếu xảy ra sự kiện được bảo hiểm. Nếu bên được bảo hiểm hoặc bên đại diện pháp lý của họ không trả phí bảo hiểm, thì bảo hiểm sẽ không thể kích hoạt, và hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực.

Có khả năng phí bảo hiểm sẽ được nhà nước hỗ trợ. Nông dân hay người đại diện pháp lý của nông dân nên tham vấn với cán bộ quản lý, cán bộ khuyến nông để xem có chính sách trợ cấp bảo hiểm nông nghiệp hay không, và xem mình có đủ điều kiện để được trợ cấp không, làm thế nào để tiếp cận được chính sách trợ cấp phí bảo hiểm nông nghiệp.

Bên ký hợp đồng bảo hiểm cần nộp toàn bộ phí bảo hiểm cho công ty bảo hiểm, sau khi đã trừ đi phần được nhà nước hỗ trợ, trong vòng 30 ngày kể từ khi chính sách bảo hiểm được phát hành, trừ khi có thỏa thuận khác. Nếu phí bảo hiểm không được nộp đủ trong khung thời gian đã thống nhất, chính sách bảo hiểm sẽ bị chấm dứt hiệu lực.

5. Nếu không phát sinh sự kiện bảo hiểm, tôi có lấy lại được tiền phí bảo hiểm không?

Nếu không được chi trả đền bù trong giai đoạn bảo hiểm, thì phí bảo hiểm sẽ không được công ty bảo hiểm hoàn trả. Khoản phí này là để công ty bảo hiểm tích lũy để có đủ tiền chi trả bồi thường cho những rủi ro xảy ra trong tương lai, chi trả bồi thường tại các khu vực khác (nếu có) và để đảm bảo công ty có đủ tiền duy trì hoạt động kinh doanh cũng như những nhu cầu khác của công ty, chẳng hạn như phí thuê mặt bằng, các hóa đơn hoạt động thường xuyên, lương nhân viên, v.v.

Tuy nhiên, phí bảo hiểm (hoặc một phần phí bảo hiểm) có thể được trả lại cho nông dân trong một số hoàn cảnh đặc biệt được nêu cụ thể trong hợp đồng bảo hiểm trước khi việc bảo hiểm có hiệu lực.

6. Lợi ích của việc có nhiều người mua bảo hiểm nông nghiệp là gì?

Khi có nhiều người mua bảo hiểm, thì những chi phí để công ty bảo hiểm cung cấp dịch vụ sẽ giảm đi đáng kể, và như vậy sẽ làm giảm mức phí mà công ty bảo hiểm đặt ra. Nhiều người mua bảo hiểm cũng có thể giúp danh mục rủi ro của công ty bảo hiểm đa dạng hơn và khiến họ ít bị tổn thương trước rủi ro khiến công ty phải hủy bỏ sản phẩm bảo hiểm hơn, hoặc có thể giúp họ dễ có khả năng chi trả yêu cầu bồi thường hơn.

7. Công ty bảo hiểm sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ bảo hiểm hay không nếu họ đã phải chi trả bồi thường cho vụ trước? Nông dân có bị thu thêm phí cho năm sau không?

Thông thường, công ty bảo hiểm có thể chọn ngừng cung cấp sản phẩm bảo hiểm hoặc xem xét lại việc định giá sản phẩm bảo hiểm (kết quả của việc xem xét này có thể sẽ là tăng hoặc giảm phí bảo hiểm) do lịch sử yêu cầu bồi thường trước đó hoặc các yếu tố nội tại khác. Công ty bảo hiểm sẽ thông báo kịp thời cho tất cả các bên liên quan về bất kỳ thay đổi nào đối với sản phẩm bảo hiểm của họ.

8. Tại sao tôi nên mua bảo hiểm nếu tôi không được bồi thường trong (các) năm trước?

Bảo hiểm được mua để bảo hiểm các rủi ro với tần suất và mức độ tổn thất khác nhau. Việc sự kiện được bảo hiểm không xảy ra trong (các) năm trước không làm cho nông dân ít bị tổn thương hơn nếu rủi ro được bảo hiểm xảy ra ở năm sau. Vì vậy, việc mua bảo hiểm cho những rủi ro mà họ có thể gặp phải là rất cần thiết, để đề phòng mất thu nhập và sinh kế và những khó khăn khác bị gây ra khi có rủi ro xảy ra.

9. Tại sao thủ tục bảo hiểm lại phức tạp?

Các thủ tục bảo hiểm có vẻ phức tạp vì ngành bảo hiểm là ngành chịu sự quản lý chặt chẽ của chính phủ. Các công ty bảo hiểm phải tuân theo hướng dẫn và quy trình do chính phủ đưa ra để tránh bị xử phạt hoặc bị thu hồi giấy phép.

Bảo hiểm cũng là một ngành kinh doanh chuyên ngành và nhạy cảm, vì vậy các công ty bảo hiểm luôn phải thực hiện trách nhiệm giải trình khi giao dịch với khách hàng. Nhưng các công ty bảo hiểm thường xuyên tổ chức đào tạo và hướng dẫn về bảo hiểm để đơn giản hóa và giúp khách hàng của họ hiểu các thủ tục bảo hiểm.

Nông dân cũng có thể nhờ đại diện chính quyền địa phương, cán bộ khuyến nông hoặc gọi đến đường dây nóng của các công ty bảo hiểm để được nhân viên công ty bảo hiểm giải đáp thắc mắc về thủ tục, sản phẩm bảo hiểm, v.v.

10. Tôi có phải trả thêm tiền cho đại lý bảo hiểm để được bồi thường không?

Nông dân không phải trả thêm khoản chi phí nào cho đại lý bảo hiểm hoặc bất kỳ bên nào trong hợp đồng bảo hiểm để được bồi thường cho những tổn thất mà họ gánh chịu do rủi ro được bảo hiểm gây ra. Nông dân chỉ cần nộp phí bảo hiểm trong khung thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm để được bảo hiểm và đủ điều kiện được bồi thường khi báo cáo yêu cầu bồi thường.

11. Tôi không cần kiểm soát rủi ro vì tôi đã có bảo hiểm?

Điều rất quan trọng đối với nông dân là vẫn phải có các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát rủi ro ngay cả khi họ có bảo hiểm nông nghiệp, vì hợp đồng bảo hiểm sẽ không bao gồm các tổn thất do sơ suất và thực hành nông nghiệp kém hoặc sai/cố tình làm sai các hướng dẫn về sản xuất và phòng trừ rủi ro của các cơ quan chuyên môn.

Thực hành nông nghiệp tốt là điều kiện tiên quyết để nông dân tham gia bảo hiểm, đồng thời cũng là điều khoản cam kết của nông dân với công ty bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. Nếu

họ không tuân thủ thực hành nông nghiệp tốt, công ty bảo hiểm có thể hủy bỏ bảo hiểm hoặc số tiền bồi thường có thể bị giảm (ví dụ: giảm tới 20%) khi nông dân không tuân thủ các biện pháp bảo vệ và thực hành nông nghiệp theo hướng dẫn của chính phủ.

Thực hành nông nghiệp tốt, cơ chế kiểm soát và phòng ngừa rủi ro là những yếu tố tác động trực tiếp đến năng suất canh tác chứ không phải bảo hiểm. Cuối vụ, nông dân cần mùa màng bội thu để tiếp tục làm ăn, đáp ứng nhu cầu của họ và đảm bảo lương thực cho cả nước. Bảo hiểm chỉ có thể bồi thường cho nông dân trong trường hợp thiệt hại do rủi ro được bảo hiểm gây nên mà thôi.

12. Tôi không cần bảo hiểm vì nhà nước luôn hỗ trợ tôi khi rủi ro xảy ra?

Có một khoản bảo hiểm cùng với sự hỗ trợ của chính phủ có thể làm giảm đáng kể mức độ dễ bị tổn thương của nông dân trước những rủi ro, vì sự hỗ trợ của nhà nước có thể không đủ để bù đắp những thiệt hại mà nông dân phải gánh chịu. Khoản thanh toán từ bảo hiểm có thể tăng thu nhập của nông dân, cải thiện sinh kế và khả năng phục hồi của họ sau các cú sốc. Sản phẩm bảo hiểm có thể là nguồn bù đắp thêm, cùng với cứu trợ thiên tai từ nhà nước. Ngoài ra, bồi thường bảo hiểm có thể được thực hiện sớm hơn, với số tiền cao hơn và cũng có thể bao gồm các sự kiện rủi ro nhỏ hơn và cục bộ hơn so với trợ cấp cứu trợ thiên tai.

13. Tôi phải làm gì để chủ động hơn trong việc ký kết hợp đồng bảo hiểm?

Để chủ động hơn trong việc ký kết hợp đồng bảo hiểm, nông dân có thể tận dụng các chương trình nâng cao nhận thức về bảo hiểm nông nghiệp do các công ty bảo hiểm, nhà nước hoặc những cơ quan khác tổ chức để được tập huấn về lợi ích của bảo hiểm nông nghiệp, quy tắc và quy trình bảo hiểm nông nghiệp, v.v.

14. Tôi có thể đăng ký mua bảo hiểm bằng cách nào?

Thông thường, ở những địa phương có chương trình bảo hiểm nông nghiệp được nhà nước hỗ trợ, chính quyền xã sẽ thông báo cho người dân về việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp. Sau đó, đại diện của công ty bảo hiểm (nhân viên của công ty bảo hiểm hoặc đại lý bảo hiểm) sẽ làm việc với chính quyền địa phương và cùng tổ chức tuyên truyền trực tiếp và phát tài liệu giới thiệu ở thôn. Như vậy, giúp nông dân có thể dễ tiếp cận thông tin và quyết định có mua bảo hiểm cây trồng hay không. Tuy nhiên, nếu thông tin về bảo hiểm chưa đến được với nông dân, hoặc chưa rõ, nông dân có thể hỏi đại diện chính quyền địa phương, cán bộ khuyến nông, hoặc các đại lý bảo hiểm.

Để mua bảo hiểm, nông dân có thể đăng ký theo hai cách:

- i. Trực tiếp với tư cách là nông dân cá thể: Nông dân có thể liên hệ trực tiếp với công ty bảo

hiểm để ký hợp đồng bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm theo quy định cho sản phẩm bảo hiểm. Trong trường hợp này, công ty bảo hiểm sẽ thanh toán tiền bồi thường trực tiếp cho nông dân.

ii. Thông qua đại diện hợp pháp: Nông dân cũng có thể mua bảo hiểm thông qua đại diện hợp pháp được ủy quyền. Trong trường hợp này, doanh nghiệp bảo hiểm cần nông dân ký giấy ủy quyền cho tổ chức đại diện (như doanh nghiệp nông nghiệp, tổ chức tài chính, hợp tác xã hoặc tổ chức khác) hay cá nhân (như người đứng đầu cộng đồng hoặc đại diện nhóm nông dân). Người đại diện hợp pháp có thể là chủ hợp đồng bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm, trong trường hợp này, thay mặt nông dân (người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm), họ sẽ phải trả phí bảo hiểm và họ cũng sẽ nhận được tiền bồi thường. Người đại diện hợp pháp có trách nhiệm trả tiền bồi thường cho từng nông dân.

15. Làm cách nào tôi biết hiện có những sản phẩm Bảo hiểm Nông nghiệp nào?

Để tìm hiểu về các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp hiện có, nông dân có thể hỏi đại diện chính quyền địa phương, cán bộ khuyến nông hoặc gọi đến đường dây nóng của các công ty bảo hiểm để trao đổi với nhân viên của công ty bảo hiểm. Những người liên hệ này sẽ thông báo cho nông dân về các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp hiện có và cung cấp đủ thông tin để giúp nông dân hiểu chi tiết về các sản phẩm.

16. Tôi có thể báo cáo yêu cầu bồi thường như thế nào và sẽ được thanh toán như thế nào?

Nông dân có thể báo cáo yêu cầu bồi thường bằng cách gửi cho chủ hợp đồng bảo hiểm (người đại diện hợp pháp của họ) và/hoặc công ty bảo hiểm thông tin cần thiết (đơn yêu cầu đã điền, tài liệu hợp đồng, v.v.) ngay sau khi sự kiện được bảo hiểm xảy ra.

Sau khi nhận được thông tin từ nông dân, công ty bảo hiểm sẽ thu thập thông tin cần thiết từ các cơ quan liên quan khác, giám định tổn thất sẽ do chuyên gia giám định tổn thất thực hiện để xác định mức độ thiệt hại và công ty bảo hiểm sẽ chi trả tiền bồi thường cho chủ hợp đồng bảo hiểm. Chủ hợp đồng có trách nhiệm trả tiền bồi thường cho từng nông dân được bảo hiểm bị thiệt hại.

17. Trợ cấp phí bảo hiểm vận hành như thế nào?

Trợ cấp phí bảo hiểm là hỗ trợ tài chính từ nhà nước cho nông dân mua sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp để trả một phần phí bảo hiểm của họ. Số tiền này được chính phủ trả trực tiếp cho công ty bảo hiểm. Trợ cấp phí bảo hiểm giúp giảm số tiền nông dân phải trả cho phí bảo hiểm và có khả năng tăng mức bảo hiểm mà nông dân nhận được.

Để được hỗ trợ phí bảo hiểm, nông dân phải đáp ứng các tiêu chí nhà nước đặt ra và đang

canh tác những nông sản là đối tượng hỗ trợ bảo hiểm theo quy định (lúa gạo, trâu, bò, tôm thẻ chân trắng và tôm sú) tại các địa phương có chương trình trợ cấp phí bảo hiểm.

18. Tại sao công ty bảo hiểm KHÔNG bồi thường cho tôi toàn bộ số tổn thất của tôi?

Công ty bảo hiểm có thể không bồi thường cho nông dân toàn bộ số thiệt hại họ gặp phải, vì một số lý do. Tiền bồi thường bảo hiểm có thể bị khấu trừ/giảm trừ (nông dân vẫn phải chịu một phần rủi ro vì tính chất rủi ro được bảo hiểm hoặc do bị phạt), và điều này sẽ làm giảm số tiền bồi thường cho nông dân. Khoản khấu trừ/giảm trừ (nếu có) sẽ được ghi rõ trong hợp đồng bảo hiểm trước khi bắt đầu bảo hiểm.

Tổn thất gây ra bởi rủi ro không được bảo hiểm hoặc các yếu tố khác: Nông dân đôi khi có thể chịu thêm tổn thất do sự kiện rủi ro không được bảo hiểm hoặc do yếu tố khác (chẳng hạn như thực hành nông nghiệp kém). Công ty bảo hiểm chỉ chi trả cho những tổn thất xảy ra do các sự kiện được bảo hiểm gây nên.

CHƯƠNG 6: ĐÀO TẠO VÀ TẬP HUẤN VỀ BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

1. Tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức về Bảo hiểm Nông nghiệp

a. Lợi ích của bảo hiểm nông nghiệp

Bảo hiểm nông nghiệp có nhiều lợi ích cho nông dân khi giúp giảm cú sốc sinh kế cho nông dân khi các sự kiện rủi ro lớn xảy ra, có thể dẫn đến thiệt hại lớn và đẩy nông dân đến tình trạng túng thiếu cùng cực, hoặc phải đánh đổi để ứng phó với rủi ro, chẳng hạn như phải bán đồ dùng gia đình hoặc vật nuôi hoặc tài sản khác để bù đắp tổn thất. Ngoài ra, bảo hiểm nông nghiệp cũng có thể có tác động gián tiếp đến việc canh tác của nông dân nhờ giảm thiểu rủi ro của họ trong một chừng mực nhất định và như vậy, nông dân có thể tiếp cận các khoản vay, vật tư đầu vào để canh tác và các dịch vụ khác một cách dễ dàng và hiệu quả hơn. Nhờ giảm thiểu rủi ro, bảo hiểm cũng tác động có lợi đối với ngân hàng, doanh nghiệp nông nghiệp và các doanh nghiệp khác làm việc với nông dân. Bảo hiểm nông nghiệp cũng có thể được vận dụng như một hình thức bảo trợ xã hội và bổ sung cho các cơ chế cứu trợ thiên tai khẩn cấp khác.

b. Các khía cạnh bảo vệ người tiêu dùng

Bảo vệ người tiêu dùng cần được đảm bảo cho khách hàng mua bảo hiểm nông nghiệp. Cần có thông báo rõ ràng về các điều khoản và điều kiện chính của sản phẩm, bao gồm các rủi ro được bảo hiểm, giới hạn bảo hiểm và các khoản khấu trừ/giảm trừ yêu cầu, quy trình yêu cầu bồi thường, mức phí bảo hiểm và các tính năng chính khác của sản phẩm. Nên tổ chức trao đổi thông tin nhiều lần mỗi năm và có thể kết hợp với các dịch vụ tư vấn khác. Nông dân cũng nên nhận thức rõ về việc sản phẩm bảo hiểm được quản lý như thế nào và làm thế nào để được giải đáp thắc mắc và khiếu nại. Cần có quy định để giải quyết hiệu quả các thắc mắc và khiếu nại của nông dân.

c. Nguy cơ bán sản phẩm sai phương pháp

Không nên bán sản phẩm bảo hiểm cho nông dân nếu họ không hiểu những bản chất quan trọng của sản phẩm, bao gồm cả những hạn chế của sản phẩm. Việc bán hàng sai cách cũng có thể xảy ra khi các sản phẩm bảo hiểm được cố tình bán với những hứa hẹn quá mức gây hiểu lầm về sản phẩm nhằm bán được sản phẩm. Nếu sản phẩm được bán sai cách thì sẽ khiến nông dân có những kỳ vọng khác về sản phẩm so với những gì sản phẩm thực sự cung cấp. Do đó, bán sai cách có thể dẫn đến nhiều khiếu nại, tranh chấp và hủy hoặc không tiếp tục mua sản phẩm. Việc bán sai cách cũng có thể dẫn đến việc cơ quan quản lý bảo hiểm hủy bỏ sản phẩm bảo hiểm đó và công ty bảo hiểm bị phạt. Do đó, cần tuyên truyền nâng cao nhận thức của khách hàng để giảm nguy cơ bán sản phẩm sai cách.

d. Những thách thức nếu nông dân chưa biết đến sản phẩm bảo hiểm

Nếu nông dân không biết rằng họ có thể tham gia bảo hiểm thì sẽ không công nhận hoặc đánh giá cao đối với sản phẩm bảo hiểm cũng như lợi ích của sản phẩm. Đồng thời, tính khả dụng của sản phẩm (báo cáo và nhận bồi thường bảo hiểm) sẽ rất thấp, điều này cũng sẽ khiến người dân không thấy được lợi ích của bảo hiểm. Tương tự, nếu nông dân không nhận thức được cách thức hoạt động của sản phẩm, thì họ có thể có những kỳ vọng không hợp lý hoặc không thực tế về sản phẩm, điều này có thể dẫn đến khiếu nại và tranh chấp với công ty bảo hiểm và các bên liên quan khác.

e. Các khía cạnh quy định quản lý bảo hiểm

Sản phẩm và quy trình bảo hiểm nông nghiệp phải được cơ quan quản lý bảo hiểm nông nghiệp rà soát và phê duyệt định kỳ trên cơ sở đối chiếu với dữ liệu lịch sử của nông dân và chủ hợp đồng. Các quy định quản lý cũng nên tập trung bảo vệ khách hàng và khả năng tồn tại và khả năng chi trả của công ty bảo hiểm, bên cung cấp sản phẩm. Cơ quan quản lý cần đảm bảo công ty bảo hiểm có khả năng thanh toán các yêu cầu bồi thường một cách kịp thời ngay cả khi có những yêu cầu bồi thường rất lớn xảy ra.

f. Khả năng thanh toán các khoản bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm

Các công ty bảo hiểm và các quy định phải đảm bảo rằng họ có thể thực hiện các yêu cầu bồi thường hợp lệ khi chúng đến hạn. Đối với bảo hiểm nông nghiệp, có thể có một số năm có số bồi thường rất thấp, sau đó là một số năm có số bồi thường cực kỳ lớn, ví dụ: do thiên tai, dịch bệnh. Do đó, các công ty bảo hiểm cần có đầy đủ độ phủ của tái bảo hiểm, có sản phẩm được định giá chính xác và có thiết kế phù hợp, đồng thời có đủ dự trữ tài chính để thanh toán các khoản bồi thường hợp lệ một cách nhanh chóng.

g. Hiểu về các hạn chế của bảo hiểm nông nghiệp

Bên cạnh việc trình bày lợi ích của bảo hiểm nông nghiệp, cũng cần giải thích rõ những hạn chế của bảo hiểm nông nghiệp cho khách hàng. Những khía cạnh chính liên quan đến các hạn chế của sản phẩm cần được giải thích bao gồm:

- i. Ngày bắt đầu bảo hiểm;
- ii. Rủi ro được bảo hiểm và thực tế là CHỈ những rủi ro cụ thể được bảo hiểm thay vì bất kỳ loại rủi ro nào;
- iii. Cần giải thích rõ ràng căn cứ đánh giá yêu cầu bồi thường;
- iv. Cần giải thích rõ về phạm vi khác biệt có thể có giữa số liệu và những thiệt hại thực tế của nông dân và mức bồi thường bảo hiểm, ví dụ như rủi ro cơ bản;

- v. Cần giải thích rõ về căn cứ giá trị được bảo hiểm (ví dụ như giá trị được bảo hiểm gắn với chi phí sản xuất nuôi trồng thủy sản chứ không theo giá trị thị trường của sản phẩm);
- vi. Các khoản khấu trừ từ số tiền bồi thường và giảm trừ bảo hiểm cũng cần được giải thích rõ.

Nói chung, nên thông tin để nông dân hiểu rõ dù sản phẩm bảo hiểm có những lợi ích đáng kể, nhưng cũng có những hạn chế như trên để sau này họ không quá thất vọng hoặc bất ngờ về những hạn chế này.

h. Hiểu sự khác biệt so với cứu trợ thiên tai

Cũng cần giải thích cho nông dân rằng bảo hiểm nông nghiệp không giống như cứu trợ thiên tai của Nhà nước. Cứu trợ thiên tai do thiên tai hoặc dịch bệnh không phải là mối quan hệ hợp đồng và nó có thể xảy ra trong trường hợp có thảm họa lớn như một phần trong nỗ lực quản lý thiên tai của chính phủ. Tuy nhiên, bảo hiểm nông nghiệp là một quan hệ hợp đồng rất cụ thể giữa nông dân hoặc người đại diện theo pháp luật của họ và các công ty bảo hiểm cụ thể, theo đó phí bảo hiểm phải trả và các quyền lợi cụ thể được trả trong trường hợp rủi ro cụ thể xảy ra. Bảo hiểm nông nghiệp có thể là nguồn bù đắp thêm vào khoản cứu trợ thiên tai nhưng chúng là những cơ chế hoàn toàn khác nhau.

i. Vai trò của cán bộ khuyến nông và các cơ quan khác, ví dụ: hội nông dân.

Các đơn vị này có vai trò chính trong việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm nông nghiệp một cách kịp thời và hiệu quả. Tài liệu và thông điệp nâng cao nhận thức có thể được đưa vào chương trình các cuộc họp và đào tạo hiện có cho nông dân. Tốt nhất nên tổ chức một số buổi đào tạo riêng về bảo hiểm nông nghiệp. Việc nâng cao nhận thức nên được thực hiện cả trước mùa vụ và trong hoặc sau mùa vụ. Trong trường hợp có chi trả bồi thường, các khoản bồi thường này cũng có thể được công khai và giải thích trong các buổi tập huấn để nông dân dễ hình dung về sản phẩm bảo hiểm.

Cán bộ khuyến nông và các cơ quan khác (ví dụ hội nông dân) có vai trò quan trọng trong việc tiếp tục nâng cao nhận thức về các kỹ thuật quản lý rủi ro khác và giải thích sự hiệp đồng giữa các phương pháp quản lý rủi ro khác với bảo hiểm. Cần tập trung vào những lĩnh vực trọng tâm cụ thể có liên quan sau:

- i. Tầm quan trọng của các phương pháp quản lý rủi ro hiệu quả để nông dân đủ điều kiện tham gia bảo hiểm và đủ điều kiện yêu cầu bảo hiểm bồi thường trong trường hợp xảy ra tổn thất;

- ii. Tầm quan trọng của các phương pháp quản lý rủi ro hiệu quả trong việc quản lý những rủi ro khác vì KHÔNG thể bảo hiểm cho mọi rủi ro;
- iii. Tầm quan trọng của các phương pháp quản lý rủi ro tốt để giảm thiểu rủi ro nói chung và như vậy, có thể giúp giảm giá sản phẩm bảo hiểm cũng như có được điều khoản và điều kiện bảo hiểm tốt hơn;
- iv. Tầm quan trọng của bảo hiểm cũng như các phương pháp quản lý rủi ro tốt khác làm giảm rủi ro nói chung và do đó giúp nông dân có thể đầu tư nhiều hơn cho việc canh tác của họ (xây dựng hệ thống tưới chẳng hạn) và càng làm giảm rủi ro của họ.

j. Vai trò của kênh phân phối và cá nhân/tổ chức đại diện cho nông dân

Các kênh phân phối hoặc đại diện hợp pháp của nông dân (trưởng thôn, HTX, ngân hàng, doanh nghiệp đầu vào, v.v) cũng cần tham gia nâng cao nhận thức và giải thích về các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp. Có thể kết hợp nâng cao nhận thức trong các cuộc họp hoặc các buổi tập huấn cho nông dân.

Bảo hiểm nông nghiệp có thể được kết hợp hoặc kèm với các dịch vụ và sản phẩm khác, chẳng hạn như các khoản vay nông nghiệp, đầu vào nông nghiệp, phí thành viên, v.v. Khi đưa ra một gói có kèm các dịch vụ/sản phẩm khác, nông dân có thể nhận được sản phẩm bảo hiểm trên cơ sở bắt buộc khi họ tham gia các dịch vụ khác. Ví dụ, nếu bảo hiểm vật nuôi được bao gồm trên cơ sở bắt buộc trong gói khoản vay chăn nuôi, thì khi nông dân nhận được khoản vay chăn nuôi, họ cũng tự động nhận được sản phẩm bảo hiểm.

Cũng có thể kết hợp bảo hiểm với các sản phẩm và dịch vụ khác nhưng trên cơ sở tự nguyện hoặc tùy chọn. Ví dụ, nếu bảo hiểm lúa gạo được kèm trên cơ sở tự nguyện trong gói mua thóc giống, thì khi nông dân mua thóc giống, họ sẽ có lựa chọn là họ có muốn thêm bảo hiểm lúa gạo vào gói dịch vụ cung cấp giống hay không. Nếu họ chọn mua sản phẩm bảo hiểm thì họ có thể mua cùng lúc khi mua thóc giống.

Gói kết hợp bảo hiểm nông nghiệp có thể là cách hiệu quả để bảo hiểm cho nhiều nông dân vì nông dân sẽ quan tâm hơn đến vay nông nghiệp, đầu vào và các dịch vụ sản xuất trực tiếp khác. Đồng thời, việc kèm bảo hiểm trong các dịch vụ khác sẽ làm giảm đáng kể rủi ro cho các kênh phân phối nếu họ cũng được hưởng lợi từ bồi thường bảo hiểm. Đặc biệt, rủi ro tín dụng của các tổ chức tài chính và doanh nghiệp nông nghiệp sẽ được giảm bớt nếu bảo hiểm nông nghiệp gắn kèm với các sản phẩm và dịch vụ của họ.

Các kênh phân phối hoặc đại diện hợp pháp của nông dân cũng nên giải thích về các sản phẩm bảo hiểm nếu chúng đang được kết hợp trong các kênh phân phối (ví dụ như kết hợp với dịch vụ cung cấp đầu vào). Các phương thức trả phí bảo hiểm và thanh toán yêu cầu bồi thường hoặc trả tiền bồi thường cho nông dân cũng cần được giải thích rõ ràng.

1. Vai trò của chính phủ

Ngoài các dịch vụ khuyến nông của nhà nước, chính quyền cũng nên đóng vai trò chính trong việc phổ biến cho công chúng về bảo hiểm nông nghiệp bằng các phương tiện thông tin đại chúng, đài phát thanh địa phương, internet, mạng xã hội, v.v. Nhà nước nên chú trọng đảm bảo truyền thông về các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp hiện có, đặc tính của sản phẩm cũng như thông tin cập nhật và phù hợp về việc trợ cấp phí bảo hiểm. Cũng có thể đưa việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo hiểm nông nghiệp vào nội dung chiến lược chung về phổ biến kiến thức tài chính và tài chính bao trùm của Việt Nam.

Nhà nước đóng một vai trò quan trọng trong việc trợ cấp phí bảo hiểm nông nghiệp. Trong một số trường hợp nhà nước có trợ cấp phí bảo hiểm riêng cho các hộ gia đình nghèo. Đồng thời, cũng có những trường hợp nhà nước có các cơ chế bảo hiểm nông nghiệp đảm bảo cho nông dân nghèo nhưng không trợ cấp phí bảo hiểm. Trợ cấp phí bảo hiểm có thể tạo điều kiện để dễ tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp hơn, đặc biệt là đối với nông dân nghèo, nhưng không nhất thiết phải có trợ cấp của nhà nước thì mới triển khai các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp, miễn là mức phí bảo hiểm phải chăng và có thể thanh toán theo cách phù hợp.

Ở Việt Nam, nhà nước có thể hỗ trợ trả phí bảo hiểm nông nghiệp. Ví dụ, theo Quyết định 22/2019, hộ nghèo, hộ cận nghèo sẽ được hỗ trợ tới 90% mức phí, hộ bình thường được hỗ trợ tối đa 20% mức phí. Theo đó, nông dân chỉ cần trả phí bảo hiểm trừ đi khoản trợ cấp phí bảo hiểm, phần còn lại phí bảo hiểm sẽ được chính phủ trả trực tiếp cho các công ty bảo hiểm.

Ngoài trợ cấp của nhà nước, có thể còn có trợ cấp phí bảo hiểm trong phạm vi những chương trình của các bên liên quan khác, như các tổ chức tài chính, doanh nghiệp nông nghiệp, tổ chức nông dân, v.v. Các bên liên quan này có thể xem xét trợ cấp hoặc trả trước khoản phí bảo hiểm thay cho nông dân để giúp nông dân trả phí bảo hiểm dễ dàng hơn. Nhìn chung, nông dân canh tác nông sản hàng hóa và quy mô lớn để có khả năng tự trả toàn bộ phí bảo hiểm hơn so với nông dân nhỏ.

2. Vai trò của các bên liên quan chính trong việc nâng cao nhận thức về BHNN

Nghị định 58 quy định trách nhiệm cụ thể trong việc tuyên truyền về bảo hiểm nông nghiệp cho Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT, UBND các tỉnh và Hội Nông dân Việt Nam (NDVN). Theo đó:

- (1) Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT tổ chức tuyên truyền việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp;
- (2) UBND tỉnh tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm nông nghiệp;
- (3) Hội NDVN phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức thực hiện bảo hiểm nông nghiệp. Hướng dẫn và vận động các thành viên tuân thủ pháp luật về thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và các quy định pháp lý liên quan đến trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản; và tuyên truyền về việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp.

3. Các kênh để tiếp cận nông dân

Một số hoạt động tuyên truyền đã được thực hiện nhằm nâng cao nhận thức về bảo hiểm nông nghiệp. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải thiết lập một hệ thống phù hợp và hiệu quả để nâng cao nhận thức của nông dân về bảo hiểm nông nghiệp.

Hiện nay, Bộ NN&PTNT đang có kế hoạch tập huấn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ nông dân về quyền, nghĩa vụ và quy trình tham gia bảo hiểm nông nghiệp. Tuy nhiên, bất cập chính là (i) mục tiêu nâng cao năng lực đang tập trung vào đối tượng thực hiện chính sách bảo hiểm, trong khi đó, hộ nông dân còn rất hạn chế trong việc tiếp cận thông tin, kiến thức về BHNN; (ii) nội dung nâng cao năng lực chủ yếu là tuyên truyền chính sách (NĐ 50, QĐ 22), chưa có chương trình nâng cao năng lực toàn diện về phòng ngừa rủi ro, các công cụ tài chính trong phòng ngừa rủi ro và bảo hiểm nông nghiệp; (iii) việc lồng ghép đào tạo bảo hiểm với các chương trình đào tạo khác (ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển thị trường, v.v.) còn rất hạn chế.

Do đó, cần tập trung hơn vào một số kênh đào tạo để tiếp cận nông dân một cách dễ dàng và hiệu quả, bao gồm:

- (i) Kết hợp tập huấn về bảo hiểm nông nghiệp và quản lý rủi ro vào hệ thống khuyến nông quốc gia. Mặc dù khuyến nông là kênh chính để đào tạo về khoa học công nghệ và thị trường cho nông dân nhưng những nội dung về quản lý rủi ro, công cụ tài chính và bảo hiểm nông nghiệp vẫn chưa được chú trọng. Vì vậy, việc phát huy hệ thống khuyến nông dựa trên hệ thống và nguồn nhân lực hiện có là một cách hiệu quả để nâng cao nhận thức của người dân.
- (ii) Thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, không chỉ Hội Nông dân mà cả Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Liên minh Hợp tác xã. Mặc dù được đề cập

trực tiếp trong Nghị định 58, nhưng vai trò của Hội Nông dân khá mờ nhạt. Trong khi đó, Hội Phụ nữ đang đạt được kết quả tích cực trong việc triển khai bảo hiểm vi mô và đào tạo nâng cao năng lực về các công cụ tài chính cho phụ nữ, vai trò của Hội Phụ nữ chưa được đề cập đến trong các hoạt động nâng cao năng lực trong chương trình BHNN. Các tổ chức đoàn thể khác cũng chưa được quan tâm.

Cần xây dựng chương trình nâng cao năng lực về bảo hiểm nông nghiệp để nông dân tiếp cận dễ hơn bằng cách tích hợp nội dung BHNN vào hệ thống đào tạo hiện có và thúc đẩy các tổ chức đoàn thể cơ sở tham gia và kết hợp với các doanh nghiệp bảo hiểm. Điều này không chỉ giúp phát triển BHNN mà còn giúp nông dân tăng cường hiểu biết và khả năng ứng phó với rủi ro.

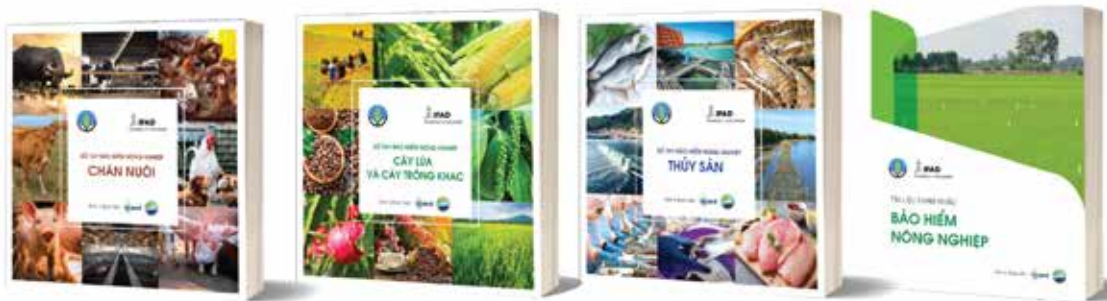
Bộ Tài chính chịu trách nhiệm điều hành thị trường và lập ngân sách trợ cấp phí bảo hiểm. Bộ Tài chính cũng phổ biến chính sách BHNN, phê duyệt các sản phẩm và chịu trách nhiệm phân bổ ngân sách trợ cấp đặc biệt. Bộ cũng đánh giá kết quả triển khai BHNN và đề xuất chính sách từ năm 2020 trở đi. Bộ Tài chính không có vai trò trực tiếp trong đào tạo nâng cao nhận thức của nông dân nhưng nên mời cán bộ chuyên môn của Bộ Tài chính tham gia đào tạo cán bộ tập huấn để nâng cao hiểu biết của họ về BHNN, tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức và về việc quản lý trợ cấp phí bảo hiểm.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) chịu trách nhiệm vận dụng các quy trình thực hành nông nghiệp tốt nhất và quản lý rủi ro hiệu quả. Bộ cũng ban hành thủ tục thẩm định và xác minh thiệt hại do dịch bệnh và thiên tai. Bộ NN&PTNT đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của nông dân, đặc biệt là thông qua lồng ghép với các dịch vụ khuyến nông.

Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm thực hiện chương trình BHNN ở cấp địa phương, bao gồm việc phê duyệt danh sách những người đủ điều kiện được trợ cấp phí bảo hiểm và giải ngân phí bảo hiểm được trợ cấp. Chính quyền địa phương và các bên liên quan của Hội Nông dân cũng nên tham gia vào việc đào tạo cán bộ tập huấn để nâng cao hiểu biết của họ về BHNN, các tính năng của sản phẩm và các quy trình liên quan.

Các công ty bảo hiểm tham gia có trách nhiệm bảo lãnh phát hành các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp và phân phối các sản phẩm bảo hiểm và chuyển giao rủi ro thông qua đồng bảo hiểm và tái bảo hiểm thích hợp. Điều quan trọng là các doanh nghiệp bảo hiểm tham gia cũng phải tham gia các khóa đào tạo cán bộ tập huấn để nâng cao hiểu biết của họ về BHNN từ góc độ thực tiễn tốt nhất và tham gia một số cuộc thảo luận xung quanh việc giảm thiểu một số thách thức liên quan đến BHNN ở Việt Nam.

CÁC SẢN PHẨM CỦA BỘ TÀI LIỆU NĂNG CAO NHẬN THỨC VỀ BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP



Tài liệu được tài trợ bởi Dự án khu vực "Mạng lưới nghiên cứu và tư vấn chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn cho các quốc gia tiểu vùng sông Mê Công" (NARDT) và chương trình Bảo hiểm cho sự phục hồi và phát triển kinh tế ở nông thôn (INSURED)

Mọi chi tiết liên quan đến nội dung của tài liệu, xin vui lòng liên hệ

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: (84 24)39723390, Fax: (84 24) 39722067

Email: tuvanchinhhsach@gmail.com | Web: www.ipsard.gov.vn